

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM**

ĐẶNG TRÍ DŨNG

**ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG
GIAI ĐOẠN 2007 – 2015**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

TP Hồ Chí Minh - Năm 2007

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM**

ĐẶNG TRÍ DŨNG

**ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG
GIAI ĐOẠN 2007 – 2015**

Chuyên ngành: Kinh tế tài chính – Ngân hàng
Mã số: 60.31.12

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. THÂN THỊ THU THỦY**

TP Hồ Chí Minh - Năm 2007

MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

Danh mục các bảng và biểu đồ

Mở đầu

Chương 1: Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài.....1

1.1. Khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài:..... 1

1.1.1. Khái niệm:..... 1

1.1.2. Đặc trưng:..... 2

1.1.3. Các hình thức: 2

1.2. Điều kiện cơ bản thu hút vốn FDI:3

1.2.1. Ổn định chính trị - xã hội:3

1.2.2. Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô để tạo niềm tin
cho các nhà đầu tư: 4

1.2.3. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư thỏa
đáng, đồng bộ và minh bạch: 5

1.2.4. Môi trường thể chế ổn định:6

1.2.5. Bảo đảm cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển
KT - XH và thu hút đầu tư:7

1.3. FDI đối với sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia:.....8

1.3.1. Đối với nước tiếp nhận đầu tư:8

1.3.2. Đối với nước xuất khẩu tư bản (các nước đầu tư):12

1.4. FDI đối với nền kinh tế Việt Nam: 12

1.4.1. FDI đối với vốn đầu tư xã hội và tăng trưởng kinh tế:.....13

1.4.2. FDI với việc nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp

	của tỉnh Lâm Đồng:	38	
2.3.1.	Đối với vốn đầu tư toàn xã hội và tăng trưởng kinh tế: ...	38	
2.3.2.	Đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế:	41	
2.3.3.	Đối với sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu:	42	
2.3.4.	Đối với giải quyết việc làm và cải thiện nguồn nhân lực: ..	43	
2.3.5.	Đối với nguồn thu ngân sách Nhà nước của tỉnh Lâm Đồng:.....	44	
2.3.6.	Đối với môi trường đầu tư của địa phương:	45	
2.4.	Đánh giá thực trạng thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng:	46	
2.4.1.	FDI chưa tạo được động lực cho nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững:.....	46	
2.4.2..	Còn nhiều bất cập trong cơ cấu đầu tư:	47	
2.4.3.	Hiệu quả hoạt động và kết quả thực hiện đầu tư của các dự án:.....	48	
2.4.4.	Những ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội:	48	
2.5.	Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng:.....	49	
2.5.1.	Những khó khăn, bất lợi:.....	49	
2.5.2.	Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:	51	
Chương 3: Giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007 – 2015			55
3.1.	Quan điểm, định hướng, mục tiêu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 2007 -2015):.....	55	
3.1.1.	Quan điểm, định hướng về thu hút FDI:	55	
3.1.2.	Mục tiêu thu hút FDI:	56	
3.2.	Giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 2007 -2015):.....	57	
3.2.1.	Dự báo cơ hội, thách thức của tỉnh Lâm Đồng		

trong thu hút FDI thời gian tới:	57
3.2.1.1. Cơ hội:.....	57
3.2.1.2. Thách thức:	58
3.2.2. Các giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng: 59	
3.2.2.1. Đối với Nhà nước:	59
3.2.2.1.1. Cần tiếp tục đổi mới tư duy trong cách tiếp cận và xây dựng chính sách thu hút FDI:.....	59
3.2.2.1.2. Hoàn thiện, cải thiện môi trường đầu tư:	60
3.2.2.1.3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và đầy đủ: ...	61
3.2.2.1.4. Hoàn thiện chính sách về tài chính, ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:	62
3.2.2.2. Đối với tỉnh Lâm Đồng:	64
3.2.2.2.1. Trong công tác quy hoạch, phát triển cơ sở hạ tầng: 65	
3.2.2.2.2. Xây dựng chiến lược, cơ cấu FDI hợp lý, hiệu quả:..66	
3.2.2.2.3. Đổi mới công tác xúc tiến, tiếp thị đầu tư:	68
3.2.2.2.4. Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính:.....	70
3.2.2.2.5. Chú trọng giải quyết các vấn đề môi trường:	71
3.2.2.2.6. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực:	72
3.2.2.2.7. Tiếp tục mở rộng thực hiện các chương trình liên kết với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:	73
3.2.2.2.8. Xây dựng quy chế hoạt động riêng cho Khu du lịch hồ Tuyền Lâm và Khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng:	73

Kết luận

Danh mục công trình của tác giả

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- WTO : Tổ chức thương mại thế giới
- ASEAN : Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- FDI : đầu tư trực tiếp nước ngoài
- GDP : tổng sản phẩm quốc nội
- ODA : hỗ trợ phát triển chính thức
- BOT : xây dựng - kinh doanh - chuyển giao
- BTO : xây dựng - chuyển giao - kinh doanh
- BT : xây dựng - chuyển giao
- KT - X H : kinh tế - xã hội
- CT - XH : chính trị - xã hội
- CNH - HĐH: công nghiệp hóa - hiện đại hóa
- KH - CN : khoa học - công nghệ

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu:

Lâm Đồng là tỉnh ở phía Nam Tây Nguyên với diện tích tự nhiên 976.479 ha, dân số 1.160.000 người. Là tỉnh có vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng của vùng Tây Nguyên. Qua hơn 20 năm cùng với cả nước thực hiện công cuộc đổi mới, Lâm Đồng đã đạt được những kết quả đáng kể về KT - XH. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2000 – 2005 là 10,7%, năm 2006 là 17,4%. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đến cuối năm 2006, tỷ trọng: nông nghiệp 48,3%, công nghiệp – xây dựng 20,9%, dịch vụ 30,8%. Đến quý I năm 2007 tỉnh có 85 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký là 305.647.815 USD. Trong đó lĩnh vực nông lâm nghiệp 30 dự án với số vốn đầu tư là 79.195.815 USD; công nghiệp – xây dựng 48 dự án với số vốn đầu tư là 87.752.000 USD; dịch vụ - du lịch 7 dự án với số vốn đầu tư là 138.700.000 USD. Các dự án FDI đã mang lại diện mạo, sức bật mới cho sự phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng trong quá trình thực hiện công cuộc CNH - HĐH. FDI đã tạo điều kiện để tiếp cận và đổi mới kỹ thuật công nghệ; tạo ra môi trường cạnh tranh kích thích các doanh nghiệp trong nước phát triển; tạo thêm việc làm, góp phần tăng xuất khẩu,... và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, hiện các dự án FDI vào tỉnh Lâm Đồng chủ yếu quy mô nhỏ, trình độ kỹ thuật của đa số các dự án còn ở mức trung bình khá, chưa có dự án quy mô tầm cỡ có tác động làm động lực cho sự phát triển đột phá, tăng tốc của địa phương. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO, đây là thời cơ để tiếp tục thực hiện mạnh mẽ hơn nữa đường lối đổi mới nhằm phát triển đất nước, trong đó có vấn đề kêu gọi thu hút đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh chung của đất nước thì tỉnh Lâm Đồng cần có những giải pháp cụ thể để đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan vừa nêu, tôi mạnh dạn chọn đề tài “ **ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2007 – 2015**” với kỳ vọng là kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được ứng dụng trong thực tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

- Hệ thống hóa lý luận về FDI .
- Từ những kinh nghiệm thu hút FDI của các nước trong khu vực châu Á, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam và tỉnh Lâm Đồng.
- Phân tích thực trạng thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đánh giá tác động của FDI đến quá trình phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng. Đưa ra những khó khăn, tồn tại hạn chế và xác định nguyên nhân.
- Đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI tại tỉnh Lâm Đồng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng: nghiên cứu khả năng thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời kỳ trước đây và đưa ra giải pháp giai đoạn 2007 – 2015.
- Phạm vi vấn đề nghiên cứu: nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến việc thu hút FDI, làm rõ vai trò của thu hút FDI trong quá trình phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng.
- Phạm vi thời gian: chủ yếu là từ năm 2000 đến năm 2006 (số liệu chủ yếu đến hết năm 2006, quý I năm 2007).

4. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu trong đề tài bao gồm phương pháp phân tích thống kê, tổng hợp, so sánh, lấy lý luận so với thực tiễn và lấy thực tiễn để làm cơ sở kiến nghị những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong đề tài.

5. Kết cấu nội dung đề tài nghiên cứu:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương sau đây:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- **Chương 2:** Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- **Chương 3:** Giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007 - .

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1. Khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài:

1.1.1. Khái niệm:

- Đầu tư nước ngoài có thể hiểu một cách tổng quát, đó là các hình thức mà người nước ngoài trực tiếp hoặc gián tiếp bỏ vốn thông qua các loại hình khác nhau đầu tư vào sản xuất kinh doanh ở một nước khác nhằm thu lợi nhuận thông qua việc tận dụng các lợi thế sẵn có của nước tiếp nhận đầu tư như nguồn nguyên liệu, nhân công, thị trường tiêu thụ,... hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nước sở tại và thông lệ quốc tế.

Theo Luật Đầu tư năm 2005 của Việt Nam thì: đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đầu tư nước ngoài thường có 02 dạng chủ yếu:

+ Đầu tư trực tiếp: là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào một lĩnh vực sản xuất kinh doanh hay dịch vụ nào đó và tham gia quản lý hoạt động đầu tư. Cũng có một hình thức khác được xem là đầu tư trực tiếp khi nhà đầu tư nước ngoài mua lại toàn bộ hoặc từng phần một doanh nghiệp của nước sở tại để kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh.

+ Đầu tư gián tiếp: là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, các loại giấy tờ có giá khác và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Nếu loại hình đầu tư trực tiếp thì nhà đầu tư thu lợi nhuận trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì đầu tư gián tiếp thu lợi nhuận qua cổ tức, trái tức và mức lợi vốn của chứng khoán.

Ngoài ra còn có một hình thức phổ biến khác, đó là tín dụng quốc tế. Hình thức này tuy có những đặc điểm riêng so với đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nhưng có thể thấy rằng, đây cũng chỉ là một hình thức đặc biệt của đầu tư gián tiếp.

1.1.2. Đặc trưng: So với các hình thức đầu tư nước ngoài khác, xét về bản chất thì FDI có những đặc trưng chủ yếu sau:

- FDI là hình thức chủ yếu trong đầu tư nước ngoài. Nếu ODA và các hình thức đầu tư nước ngoài khác có những hạn chế nhất định, thì FDI lại tỏ ra là hình thức đầu tư có hiệu quả, tạo ra sự chuyển biến về chất trong nền kinh tế, gắn liền với hình thức sản xuất trực tiếp, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế theo chiều sâu.

- FDI không chỉ đưa vốn vào nước tiếp nhận đầu tư, mà thông qua FDI các doanh nghiệp nước ngoài sẽ chuyển giao kỹ thuật công nghệ cho nước nhận đầu tư. Nhờ đó mà nước nhận đầu tư tiếp cận được các kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và năng lực tiếp thị, đội ngũ lao động được đào tạo và bồi dưỡng về nhiều mặt. Việc tiếp nhận FDI không làm tăng nợ cho nước tiếp nhận đầu tư, trái lại FDI còn tạo điều kiện để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước. Chủ thể của FDI chủ yếu là các công ty đa quốc gia. Hiện nay, các công ty đa quốc gia nắm giữ khoảng 90% lượng FDI trên thế giới. Với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế thì FDI sẽ tăng mạnh trên toàn cầu.

1.1.3. Các hình thức: FDI thường tồn tại dưới 3 hình thức chủ yếu:

- Hình thức công ty 100% vốn nước ngoài: là hình thức công ty hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài và do bên nước ngoài tự thành lập, tự quản lý và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh; cho ra đời một pháp nhân mới ở nước nhận đầu tư và hoạt động dưới sự chi phối của pháp luật của nước nhận đầu tư .

- Hình thức công ty liên doanh: là hình thức công ty được hình thành với sự tham gia của một hoặc nhiều bên của nước nhận đầu tư và nước đầu tư; cho ra đời một pháp nhân mới ở nước nhận đầu tư và hoạt động dưới sự chi phối của pháp luật của nước nhận đầu tư.

- Hình thức hợp đồng, hợp tác kinh doanh: là hình thức đầu tư được ký giữa một hoặc nhiều nhà đầu tư nước ngoài với một hoặc nhiều doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

- Hình thức hợp đồng BOT : Bên cạnh đó hiện nay Nhà nước Việt Nam cũng đang khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hình thức đầu tư theo Hợp đồng BOT là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời gian nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.

1.2. Điều kiện cơ bản thu hút vốn FDI:

1.2.1. Ổn định chính trị - xã hội:

Sự ổn định CT - XH tạo ra môi trường thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh, tác động lớn đến việc thu hút đầu tư và tạo ra lợi nhuận. Trong môi trường đó, các nhà kinh doanh được đảm bảo an toàn về đầu tư, quyền sở hữu lâu dài và hợp pháp tài sản của họ. Từ đó làm an lòng nhà đầu tư, để họ có thể yên tâm tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và khai thác dự án đầu tư một cách có hiệu quả nhất.

Mức độ an tâm của các nhà kinh doanh được củng cố thông qua sự đánh giá về rủi ro chính trị. Các nhà kinh doanh thường đánh giá mức độ rủi ro chính trị theo 4 dạng chủ yếu sau: sự mất ổn định trong nước; sự xung đột với nước ngoài; xu thế chính trị và xu hướng kinh tế. Tình trạng bất ổn về chính trị bằng việc thay đổi Chính phủ cũng có thể cản trở đầu tư, nếu nó dẫn đến một hệ thống chính sách và biện pháp khuyến khích không ổn định. Đặc biệt rất dễ có một tác động bất lợi đối với đầu tư, nếu sự thay đổi Chính phủ bao gồm cả việc thay đổi các luật cơ bản như: Luật đầu tư, quyền sở hữu tài sản, Luật thuế và nhất là nếu sự thay đổi chính trị đó làm tăng các rủi ro tài sản bị tịch thu bổ sung vào công quỹ.

Bảo đảm ổn định xã hội thực chất là tạo ra môi trường văn hóa – xã hội thuận lợi cho hoạt động của các nhà đầu tư, đó là một bộ phận cấu thành hệ thống hạ tầng xã hội. Có nghĩa là, Nhà nước giải quyết những vấn đề xã hội theo hướng tích cực, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế hoạt động có hiệu quả. Những vấn đề xã hội mà Nhà nước cần quan tâm như vấn đề dân số, việc làm, xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội, xóa bỏ những tệ nạn xã hội, thái độ lao động, đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục.

1.2.2. Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư:

Duy trì ổn định chính sách kinh tế vĩ mô là giảm những biến động ngắn hạn trong nền kinh tế và khuyến khích tăng trưởng bền vững lâu dài, góp phần tạo nên môi trường đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Trong việc duy trì ổn định chính sách kinh tế vĩ mô, yếu tố hàng đầu là ổn định tiền tệ mà biểu hiện là sự ổn định tỷ giá hối đoái, ổn định giá cả, lãi suất ,... nhằm giảm tính bất ổn trong đầu tư, tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Các yếu tố tác động đến môi trường kinh tế vĩ mô của quốc gia là các yếu tố như mức tổng cầu, thu nhập, lạm phát. Đây là những yếu tố quan trọng đánh giá sự thành công hay thất bại của dự án đầu tư. Các biến số này sẽ có tác động mang tính hệ thống đối với tất cả các nhà đầu tư. Mặt khác, trong số những yếu tố quyết định mức cầu của tổng mức đầu tư, trong một chừng mực nào đó, những quyết định của nhà đầu tư này lại tùy thuộc vào những quyết định có thể có của những nhà đầu tư khác. Do đó, bất cứ một sự không ổn định nào trong hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến sự biến động đầu tư khả dĩ có tính bất ổn và hay bị tác động của những tư tưởng lạc quan hay bi quan. Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô là điều tiên quyết cho việc tính toán kinh doanh của các nhà đầu tư, tạo niềm tin vào tương lai, đồng thời tránh khỏi những cuộc khủng hoảng kinh tế có thể xảy ra.

Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô với thể chế ổn định và mức thuế hợp lý sẽ tạo điều kiện để nhà đầu tư dự đoán chính xác lợi tức triển vọng, giảm tính bất ổn khả dĩ của đầu tư. Điều này là yếu tố bảo đảm và khuyến khích thu hút tốt các nguồn vốn đầu tư.

1.2.3. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư thỏa đáng, đồng bộ và minh bạch:

Các quốc gia thường dùng nhiều công cụ khác nhau để tác động đến tổng mức đầu tư, đến sự phân phối đầu tư giữa các khu vực, các loại tài sản và theo thời gian bằng cách tác động đến tỷ suất sinh lợi của vốn. Để cho các nhà đầu tư có khả năng đáp ứng được những yêu cầu hoạt động đã đề ra, phần lớn các nước nhận đầu

tư đều có những biện pháp tích cực như khuyến khích thuế, cho độc quyền ở thị trường nội địa,...

Sự cho phép độc quyền đối với thị trường nội địa dành cho các nhà đầu tư nước ngoài đã làm tăng khuyến khích đầu tư. Từ lâu nó đã được nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu ở các nước kém phát triển quan tâm tìm kiếm. Nhưng thế độc quyền lại không gây được sức ép buộc các công ty đa quốc gia phải hạ thấp giá cả và nâng cao chất lượng. Hơn nữa, vì độc quyền làm giá cả trong nước và lợi nhuận tăng lên, do đó tạo nên sự chuyển dịch trực tiếp lợi ích từ người tiêu dùng của các nước kém phát triển đến các nhà đầu tư.

Các trường hợp ưu đãi bằng thuế là biện pháp khuyến khích thường gặp nhất. Chúng được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau: thuế suất ưu đãi cho một số loại đầu tư nào đó, miễn và giảm thuế có thời hạn, cho phép khấu hao nhanh, hoàn thuế,.....

Trên thực tế, ở các nước đang phát triển, những biện pháp khuyến khích đầu tư có hiệu quả rất hạn chế do sự hạn chế của hệ thống quản lý thuế và còn do những biến dạng thị trường như việc phân phối tín dụng hay sự can thiệp của hệ thống quản lý hành chính vào việc phân bổ ngoại tệ. Các biện pháp ưu đãi bằng thuế có thể ảnh hưởng đến sự phân bổ các khoản lợi ích đặc biệt nhờ độc quyền hơn là ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, do đó thường có hiệu quả thấp.

Mặt khác, thật khó xác định và đo lường được mức chênh lệch giữa suất sinh lợi của đầu tư cá biệt và suất sinh lợi của đầu tư xã hội để lý giải cho những ưu đãi bằng thuế. Do vậy, việc thực hiện bất kỳ biện pháp khuyến khích bằng thuế nào cũng gây ra những gánh nặng rất lớn cho hệ thống quản lý thuế. Các biện pháp ưu đãi bằng thuế sẽ khiến cho những đối tượng có thể hưởng lợi sẽ ra sức vận động hành lang để có lợi cho mình. Sự thất thu thuế tiềm ẩn trong các biện pháp khuyến khích có một chi phí cơ hội rõ ràng. Những nỗ lực nhằm hoàn chỉnh hệ thống thuế nhằm hướng dẫn sự phân bổ các nguồn lực có thể dẫn đến những biến dạng lớn mang tính hệ thống.

Do đó, tính ổn định và có thể dự báo được của chế độ thuế là điều kiện tiên quyết cho tính hiệu quả của biện pháp khuyến khích đầu tư.

1.2.4. Môi trường thể chế ổn định:

Chính phủ có một vai trò quyết định trong việc xây dựng và duy trì một môi trường kinh tế lành mạnh. Chính phủ phải đảm bảo luật pháp và trật tự thực thi các hợp đồng và định hướng những điều tiết của nó để hỗ trợ cạnh tranh và đổi mới. Quan trọng nhất là Chính phủ phải đảm bảo môi trường thể chế ổn định thông qua ổn định hệ thống pháp luật và đảm bảo thực thi có hiệu quả, nhằm giúp cho nhà đầu tư an tâm và tính toán được hiệu quả đầu tư. Ngoài ra, trong các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi thì những yếu tố quyết định khác cũng có vai trò cực kỳ quan trọng. Những yếu tố đó là: việc thi hành luật các quyền sở hữu tài sản, việc loại bỏ các quy định quản lý không cần thiết để đảm bảo một môi trường đầu tư ổn định. Tầm quan trọng của các quyền sở hữu tài sản đối với đầu tư đã được xác lập, quyền sở hữu tài sản cần phải được đảm bảo thực thi một cách có hiệu quả thông qua hệ thống tư pháp.

Nạn quan liêu, tham nhũng là một vấn đề nan giải đối với các dự án đầu tư. Bởi vì việc thực hiện dự án có thể bao gồm nhiều thủ tục hành chính, nhất là những nền kinh tế còn nhiều quy định quản lý chưa ổn định và hoàn chỉnh. Nạn tham nhũng làm tăng chi phí kinh doanh dẫn đến đầu tư kém hiệu quả. Do đó, việc loại bỏ các quy định quản lý không cần thiết, cải cách hành chính để giảm tham nhũng sẽ thúc đẩy đầu tư và tăng trưởng.

Sự phân phối thu nhập ảnh hưởng đến việc tích lũy vốn bằng cách ảnh hưởng đến sự lựa chọn chính sách công cộng và mức độ ổn định CT - XH. Một sự phân phối thu nhập không đồng đều có thể kích thích các đòi hỏi của công nhân và tạo sự tranh chấp về lao động, làm tăng mức độ xung đột về chính trị và thậm chí dẫn đến bất ổn về ngân sách và kinh tế, cản trở đầu tư và tăng trưởng.

1.2.5. Bảo đảm cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển KT - XH và thu hút đầu tư:

Cơ sở hạ tầng là tổng thể các cơ sở vật chất kỹ thuật, các công trình và các phương tiện tồn tại trên một lãnh thổ nhất định được dùng làm điều kiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt. Nó đảm bảo cho sự vận hành liên tục, thông suốt các luồng của

cải vật chất, các luồng thông tin và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu có tính phổ biến của sản xuất và đời sống.

Để thúc đẩy thu hút FDI cần tạo ra một cơ chế chính sách và định chế có tính chất hỗ trợ, bao gồm: các thành phần của sự ổn định CT - XH, ổn định chính sách kinh tế vĩ mô, tạo ra môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí thấp, môi trường thể chế ổn định để đảm bảo sự đồng tâm nhất trí của xã hội và một bảo đảm cơ sở hạ tầng cho đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

1.3. FDI đối với sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia:

FDI có vị trí quan trọng góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế không chỉ riêng đối với nước tiếp nhận đầu tư mà còn đối với nước xuất khẩu tư bản. Ngày nay trong xu thế toàn cầu hóa, hợp tác và phân công lao động quốc tế, hội nhập và cùng phát triển là vấn đề tất yếu. Lợi ích của việc xuất khẩu tư bản và tiếp nhận đầu tư đều có ý nghĩa như nhau. Tuy nhiên lợi ích sẽ không thể chia đều, nó chỉ có thể được tận dụng một khi đôi bên đều biết phát huy tốt nhất những lợi thế, hạn chế tối đa những mặt trái và khiếm khuyết. Trên tinh thần đó, để hiểu rõ vai trò và vị trí của FDI nên xem xét tác dụng của nó từ cả hai phía.

1.3.1. Đối với nước tiếp nhận đầu tư:

1.3.1.1. Các mặt tích cực:

- FDI là nguồn vốn quan trọng làm tăng vốn đầu tư, giúp các nước tiếp nhận vốn đầu tư cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện các mục tiêu KT - XH, phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- FDI mang vào nước tiếp nhận đầu tư các kỹ thuật, KH - CN mới cũng như mô hình tổ chức quản lý của các chuyên gia,...

- FDI là phương thức quan trọng làm tăng kim ngạch xuất khẩu do góp phần vào việc khai thác các lợi thế về tài nguyên, nhân lực nhằm tạo ra những sản phẩm xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu có giá trị, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Nhờ có công nghệ hiện đại, các doanh nghiệp có vốn FDI tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, giá cả hợp lý, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân.

- FDI góp phần vào việc tăng quy mô hoạt động các doanh nghiệp mới lập, các ngành kinh doanh mới, phát triển sản xuất, thu hút thêm lao động, làm giảm tỷ lệ thất nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động ở các nước nhận đầu tư. Đây là điều kiện và môi trường tốt nhất để giải quyết tình trạng lao động dư thừa ở các nước chậm phát triển, đồng thời cũng là cơ hội để những người lao động ở nước nhận đầu tư có điều kiện tiếp nhận KH - CN, rèn luyện kỹ năng lao động và năng lực tổ chức quản lý ở một trình độ cao.

- FDI còn mang lại lợi ích khác cho nước tiếp nhận đầu tư như: góp phần làm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước từ các khoản thuế và thu lợi nhuận; chuyển đổi cơ cấu kinh tế; mở thêm một số ngành dịch vụ phục vụ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- FDI tạo ra một lượng hàng xuất khẩu, tăng nguồn ngoại tệ góp phần hỗ trợ cán cân thanh toán, sẽ giúp ổn định kinh tế vĩ mô và đẩy nhanh quá trình hội nhập, hợp tác giữa nước tiếp nhận đầu tư với các nước khác trên thế giới. Nguồn lực quan trọng này chính là nhân tố bảo đảm cho các nước chậm và đang phát triển có điều kiện thu ngắn cách biệt, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Thực tiễn cho thấy, không ở đâu có điều kiện nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại và phương thức quản lý có hiệu quả bằng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- FDI tạo nên sức ép cạnh tranh trên thị trường ở 2 mặt: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm cho đối thủ cạnh tranh suy yếu hơn có nguy cơ bị thu hẹp thị phần, làm giảm sản xuất, thậm chí rút lui khỏi thị trường. Chính sự cạnh tranh lại kích thích các đối thủ đầu tư đổi mới vươn lên đứng vững trên thị trường, từ đó năng lực sản xuất được cải thiện.

- FDI giúp chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; giúp liên kết từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước để sản xuất sản phẩm mới; giúp lưu chuyển lao động từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang các doanh nghiệp trong nước.

Như vậy, từ sự phân tích trên cho thấy rằng việc tiếp nhận FDI là lợi thế rõ nét giúp các nước phát triển sau có điều kiện tiếp cận với nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, nguồn vốn này dù quan trọng đến đâu cũng không thể đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của một quốc gia. Mặt khác, FDI cũng có những mặt trái, hạn chế nhất định. Đây là vấn đề cần được xem xét đầy đủ trong quá trình thu hút FDI. Nếu không, lợi ích thu được sẽ không bù lại được những thiệt hại mà nó gây ra.

1.3.1.2. Các mặt hạn chế:

- Nguồn vốn FDI chủ yếu do các công ty đa quốc gia chi phối. Vì vậy các nước tiếp nhận phải phụ thuộc vào vốn, công nghệ, thị trường và hệ thống mạng lưới tiêu thụ của các nước xuất khẩu tư bản. Nếu các nước tiếp nhận đầu tư chỉ biết dựa vào nguồn vốn FDI mà không chú trọng đúng mức đến việc khai thác các nguồn vốn đầu tư khác từ nội lực của nền kinh tế thì nguy cơ lệ thuộc và mất độc lập về kinh tế là khó tránh khỏi. Các công ty đa quốc gia có thể dùng quyền lực kinh tế của mình gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình KT - XH của nước chủ nhà.

- Mục tiêu của bất kỳ nhà đầu tư nào cũng đều muốn thu hồi vốn nhanh và có được lợi nhuận nhiều. Do đó việc chuyển giao công nghệ cũng cơ bản nhằm hai mục đích này. Có hai khuynh hướng thường xảy ra:

+ Đưa các thiết bị công nghệ hiện đại vào nhằm thu hồi vốn và lợi nhuận nhanh mà không tính đến chất lượng và số lượng lao động hiện có của nước sở tại. Kết quả là mặc dù tăng vốn đầu tư, mở rộng sản xuất, có thêm nhiều ngành nghề mới nhưng người lao động vẫn thiếu việc làm, số lao động dư thừa vẫn không được giải quyết.

+ Tận dụng các công nghệ đã cũ, lạc hậu chuyển giao cho các nước nhận đầu tư. Do máy móc thiết bị lạc hậu nên chi phí sản xuất lớn, giá thành sản phẩm cao, khả năng cạnh tranh thấp, nhóm các nước thuộc dạng này khó có thể đuổi kịp các nước phát triển. Đó là chưa tính đến các tác hại khác như ô nhiễm môi trường, không có điều kiện tiếp nhận KH - CN và đào tạo nguồn nhân lực hiện đại.

Bên cạnh đó, do ưu thế về vốn, công nghệ hiện đại, thị trường, trình độ tổ chức quản lý, mạng lưới tiêu thụ sản phẩm,... các nước xuất khẩu tư bản hoàn toàn có đủ điều kiện để giành thế chủ động trong sản xuất kinh doanh ngay tại nước tiếp

nhận đầu tư. Do đó bằng con đường cạnh tranh hợp quy luật, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoàn toàn có thể thôn tính các công ty nội địa là một thực tế. Dĩ nhiên đó là một thực tế với điều kiện các công ty nội địa tự đánh mất chính mình.

Ngoài ra, ảnh hưởng của FDI đối với cán cân thanh toán là một vấn đề rất được chú trọng. Thông thường Nhà nước sở tại rất khó kiểm soát được giao dịch ngoại thương của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bởi vì hầu hết các giao dịch này là giao dịch nội bộ công ty của các tập đoàn tư bản đa quốc gia. Nhờ giao dịch trong nội bộ, các công ty này có thể định giá các sản phẩm do mình sản xuất ra hoặc các nguồn đầu tư theo mức giá có lợi nhất cho họ nhằm để trốn thuế hoặc né tránh sự kiểm soát của Nhà nước sở tại. Đặc điểm này đã khiến các nước tiếp nhận đầu tư khó có khả năng kiểm soát nguồn ngoại tệ để duy trì và làm chủ cán cân thanh toán, gây trở ngại cho việc thu hút vốn FDI, giảm tác động tích cực của FDI lên cán cân thanh toán của nước chủ nhà.

Như vậy đối với các nước tiếp nhận đầu tư, tác dụng của FDI phải được nhìn nhận thấu đáo trên cả hai mặt biểu hiện của nó. Những mặt trái của FDI hoàn toàn không có nghĩa là phủ nhận những lợi thế cơ bản của nó mà chỉ lưu ý rằng không nên hy vọng quá nhiều vào FDI và cần phải có những chính sách hợp lý, những biện pháp quản lý hữu hiệu để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của FDI. Bởi vì mức độ thiệt hại mà FDI gây ra cho nước chủ nhà nhiều hay ít phụ thuộc rất nhiều vào chính sách, năng lực, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn của nước nhận đầu tư.

1.3.2. Đối với nước xuất khẩu tư bản (các nước đầu tư):

- Nhờ xuất khẩu tư bản, các công ty đa quốc gia có điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng cách khai thác tối đa những lợi thế về nhân lực, tài nguyên ở các nước tiếp nhận đầu tư để giảm giá thành, tìm kiếm lợi nhuận cao.

- Đầu tư vốn ra nước ngoài giúp các công ty đa quốc gia mở rộng sản xuất sang nhiều nước, nhằm tránh những bất lợi về kinh tế và chính trị trong nước mình

(phân tán vốn để tránh những rủi ro), đồng thời tận dụng lợi thế của nước khác để phân công lại lao động theo hướng có lợi nhất cho các công ty trong hệ thống tập đoàn tư bản đa quốc gia. Tạo môi trường mới để cạnh tranh, thúc đẩy và mở rộng sản xuất.

- Tận dụng cơ chế hoạt động đầu tư của mỗi quốc gia khác nhau để thực hiện việc chuyển giá, tránh mức thuế cao nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, ổn định và duy trì sản xuất ở một trình độ cao, trong đó đáng chú ý là khai thác được nguyên liệu giá rẻ từ các nước tiếp nhận đầu tư. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang nhiều quốc gia nhằm khẳng định sức mạnh về kinh tế và nâng cao uy tín về chính trị trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, xuất khẩu tư bản cũng có những rủi ro nhất định, trước hết là khả năng kiểm soát và quản lý nguồn vốn trước những biến động CT - XH ở các nước tiếp nhận đầu tư. Mặt khác, các nước xuất khẩu tư bản cũng phải đối phó với những hạn chế về năng lực quản lý, hệ thống chính sách và pháp luật chưa cụ thể, thiếu đồng bộ, đội ngũ công nhân trình độ thấp, quy hoạch dàn trải thiếu khoa học của nước sở tại. Tất cả những biểu hiện trên đều tạo ra những trở ngại nhất định cho các nhà đầu tư.

1.4. FDI đối với nền kinh tế của Việt Nam:

Có thể nhận thấy rằng, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Trước hết, nguồn vốn FDI là nguồn vốn bổ sung quan trọng vào tổng đầu tư xã hội và góp phần cải thiện cán cân thanh toán trong giai đoạn vừa qua. Khu vực có vốn FDI đã đóng góp quan trọng vào GDP với tỷ trọng ngày càng tăng. Khu vực này góp phần tăng cường năng lực sản xuất và đổi mới công nghệ của nhiều ngành kinh tế, khai thông thị trường sản phẩm (đặc biệt là trong gia tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá), đóng góp cho ngân sách Nhà nước và tạo việc làm cho một bộ phận lao động. Bên cạnh đó, FDI có vai trò trong chuyển giao công nghệ và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo sức ép buộc các doanh nghiệp trong nước phải tự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất. Các dự án FDI cũng có tác động tích cực tới

việc nâng cao năng lực quản lý và trình độ của người lao động làm việc trong các dự án FDI.

1.4.1. FDI đối với vốn đầu tư xã hội và tăng trưởng kinh tế:

Nước ta đã tiến hành công cuộc đổi mới với xuất phát điểm rất thấp. Vì vậy nhu cầu vốn là rất lớn, FDI được coi là một nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư trong nước, nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư cho phát triển.

Giai đoạn 1994-1995, tỷ trọng của FDI trong tổng đầu tư xã hội lên tới 30-31 %. Tỷ lệ này đã giảm dần và năm 2004, FDI thực hiện chỉ còn chiếm 15,5 % trong tổng đầu tư toàn xã hội.

Khu vực có vốn FDI chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong GDP. Năm 2005, khu vực FDI đã đóng góp 15,89 % vào GDP so với tỷ lệ đóng góp 6,4% của khu vực này năm 1994. Bên cạnh đó, khu vực có vốn FDI luôn là khu vực phát triển năng động nhất, tốc độ tăng giá trị gia tăng của khu vực này luôn cao hơn mức trung bình của cả nước.

1.4.2. FDI với việc nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp và xuất khẩu:

FDI vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp. Nhờ đó, Việt Nam đã cải thiện được nhiều ngành kinh tế quan trọng như thăm dò, khai thác dầu khí, bưu chính viễn thông, điện tử, xây dựng hạ tầng v.v... Năm 2005, khu vực có vốn FDI đóng góp tới 37,16% (giá so sánh năm 1994) tổng giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, trong khi tỷ lệ này chỉ là 25,1% năm 1995. Nhìn chung, tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn FDI luôn duy trì ở mức cao, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung toàn ngành.

Đối với xuất khẩu: tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI luôn cao hơn tốc độ tăng trung bình của cả nước. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã đạt 32,44 tỷ USD tăng, gấp 16,22 lần so với năm 1991. Khu vực FDI chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong tổng giá trị xuất khẩu, từ 4% năm 1991 lên 56,4 % năm 2005.

1.4.3. FDI đối với việc làm và cải thiện nguồn nhân lực:

Hiện tại, các dự án có vốn FDI tại Việt Nam đang sử dụng chiếm khoảng 1,5% tổng lao động có việc làm tại Việt Nam so với tỷ trọng này năm 1996 là 0,7%. Điều đó cho thấy FDI vẫn xuất hiện chủ yếu trong các ngành tập trung vốn và sử dụng lao động có trình độ kỹ năng cao. Đó cũng là một cách lý giải cho mức thu nhập trung bình của lao động trong khu vực này cao gấp 2 lần so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Hơn nữa, số lao động này được tiếp cận với công nghệ hiện đại, có kỹ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức lao động tiên tiến. Đặc biệt, một số chuyên gia Việt Nam làm việc tại các doanh nghiệp FDI đã có thể thay thế dần các chuyên gia nước ngoài trong việc đảm nhiệm những chức vụ quản lý doanh nghiệp và điều khiển các quy trình công nghệ hiện đại.

Bên cạnh số việc làm trực tiếp do FDI tạo ra nói trên, khu vực FDI còn gián tiếp tạo thêm việc làm trong lĩnh vực dịch vụ và trong các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước với điều kiện tồn tại mối quan hệ mua bán nguyên vật liệu hoặc hàng hóa trung gian giữa các doanh nghiệp này.

1.4.4. FDI với nguồn thu ngân sách Nhà nước và các cân đối vĩ mô:

Khu vực có vốn FDI đóng góp ngày càng tăng vào nguồn thu ngân sách của Nhà nước. Năm 2003, khu vực đóng góp chiếm 6,53% vào tổng thu ngân sách Nhà nước, tỷ lệ này năm 2000 là 5,22%. Tỷ trọng đóng góp nhỏ là do các doanh nghiệp FDI được hưởng chính sách khuyến khích của Chính phủ thông qua giảm thuế thu nhập, tiền thuê đất trong những năm đầu hoạt động.

Bên cạnh đó, FDI đã góp phần quan trọng vào việc tăng thặng dư của tài khoản vốn, góp phần cải thiện cán cân thanh toán nói chung.

1.5. Kinh nghiệm thu hút FDI của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam :

1.5.1. Kinh nghiệm thu hút FDI của Trung Quốc:

Kinh nghiệm giá trị nhất về thu hút đầu tư nước ngoài của Trung quốc là quan điểm nhất quán, rõ ràng, kiên trì thực hiện các chính sách thông thoáng về cải cách, mở cửa và giữ vững nguyên tắc sử dụng vốn đầu tư nước ngoài một cách chủ động, hợp lý, hiệu quả.

Các kinh nghiệm chủ yếu: Hạt nhân lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên định đẩy mạnh cải cách và mở cửa; mở cửa từng bước và hợp lý từng lĩnh vực, liên tục tối đa hóa cơ cấu đầu tư nước ngoài; mở cửa từng bước và vững chắc các khu vực mở cửa; thực hiện các khuyến khích và biện pháp hiệu quả thu hút FDI; không ngừng cải thiện môi trường đầu tư.

Về các hình thức đầu tư nước ngoài: trong nỗ lực thu hút FDI, Chính phủ Trung Quốc đưa ra nhiều hình thức đầu tư khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là 3 hình thức: liên doanh, 100% vốn nước ngoài và hợp đồng hợp tác kinh doanh; hiện hình thức phổ biến nhất vẫn là 100% vốn nước ngoài. Ngoài 3 hình thức này, Trung Quốc còn cho phép đầu tư gián tiếp, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước, cho phép họ trở thành cổ đông của doanh nghiệp Nhà nước then chốt.

Chính phủ Trung Quốc coi đầu tư nước ngoài là một nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển. Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Trung Quốc có những điểm đáng chú ý như: xác định rõ phạm vi được phép của đầu tư nước ngoài; kiên trì quan điểm khuyến khích đầu tư nước ngoài; khuyến khích xuất khẩu; phù hợp với quy định của WTO; khuyến khích đầu tư vào các vùng khó khăn; khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước; sử dụng chính sách thuế mang tính khuyến khích.

Trung Quốc còn lập ra các Đặc khu kinh tế với nhiều chính sách ưu đãi về thuế, quyền sử dụng đất, lao động,... rất hấp dẫn để thu hút FDI.

Hiện nay, cùng với các chính sách thông thoáng, sự vận dụng một cách linh hoạt các loại hình đầu tư, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, Trung Quốc có rất nhiều loại hình đầu tư đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với rất nhiều đối tượng và cách thức đầu tư khác nhau của các nhà đầu tư từ nhiều quốc gia.

1.5.2. Kinh nghiệm thu hút FDI của Singapore:

Singapore là nước thu hút FDI thành công nhất trong khu vực các nước ASEAN. Điểm quan trọng trong chính sách thu hút đầu tư của Singapore là Nhà nước căn cứ vào mục tiêu chiến lược cụ thể của từng thời kỳ mà xác định những thành phần kinh tế động lực để thu hút đầu tư. Đây là một chính sách với rất nhiều

lợi thế mà quốc gia này đã biết triệt để khai thác. Nhờ có sự mềm dẻo này mà Chính phủ Singapore điều chỉnh chính sách sát hợp và rất cụ thể cho từng lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn cụ thể.

Thời kỳ đầu thực hiện công nghiệp hóa thông qua chính sách thu hút đầu tư, Singapore đã cho phép các doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư không giới hạn về vốn vào các lĩnh vực Nhà nước khuyến khích đầu tư, giảm thuế đánh vào các doanh nghiệp không định cư tại Singapore. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư có thể cư trú và nhập cảnh dễ dàng, được hồi hương vốn và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

Singapore cũng đã đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, tìm kiếm đất cho các nhà đầu tư và đặc biệt ưu tiên chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực để tạo sự hấp dẫn và thu hút các nhà đầu tư. Nhà nước cùng các công ty đa quốc gia lập chương trình đào tạo chuyên gia, gửi người đi nước ngoài học các chuyên ngành kỹ thuật cao phục vụ trực tiếp cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty mình và cung cấp nguồn nhân lực cho các công ty khác.

Bên cạnh việc hoạch định các chính sách thật thông thoáng để thu hút và khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực rất cụ thể phục vụ các mục tiêu chiến lược về KT - XH. Singapore còn hình thành từ rất sớm nhiều loại hình đầu tư rất đa dạng và có sức hấp dẫn cao. Nhà nước cho phép các công ty nước ngoài tham gia đầu tư kinh doanh cả các lĩnh vực rất nhạy cảm như kinh doanh ngoại tệ nhằm phát triển ngành dịch vụ tài chính hỗ trợ vốn cho phát triển các ngành kinh tế. Đặc biệt, Nhà nước cho phép tất cả mọi công dân được mua lại cổ phần của Nhà nước trong các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Đây là một giải pháp vừa kích thích hoạt động thu hút đầu tư, vừa giúp Nhà nước thu hồi vốn đầu tư tập trung vào các lĩnh vực cần ưu tiên. Singapore luôn dành cho các nhà đầu tư tham gia vào các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu, các ngành công nghiệp mũi nhọn cần đầu tư vốn lớn, có thời gian thu hồi vốn lâu những chính sách rất ưu đãi, như: cho phép miễn giảm thuế từng phần, toàn phần, kể cả không thu thuế trong khoản thời gian nhất định; những khoản nợ vay nước ngoài để nhập khẩu nguyên vật liệu và trang thiết bị cũng được Nhà nước miễn thuế.

Thành công của Singapore trong thu hút FDI trong nhiều thập niên qua thể hiện qua các khía cạnh:

- Đội ngũ cán bộ, chuyên gia quản lý điều hành trong bộ máy Nhà nước nói chung và lĩnh vực thu hút, quản lý FDI nói riêng rất có năng lực. Được đầu tư đào tạo, quản lý và đãi ngộ rất thỏa đáng. Đây là một trong những nhân tố góp phần đảm bảo sự thành công của Singapore.

- Các chính sách mà Singapore hoạch định là rất cụ thể, sát hợp với từng loại hình doanh nghiệp, với từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh như Luật tiền tệ, đất đai, ngân hàng,... Chính phủ luôn đổi mới, cập nhật và điều chỉnh chính sách, đảm bảo để cơ chế thật sự là công cụ đặc lực phục vụ quản lý Nhà nước trong thu hút FDI, tạo điều kiện hấp dẫn để các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh và hậu thuẫn để họ kinh doanh có lãi, trong đó Nhà nước đặc biệt quan tâm những ưu đãi về chính sách tài chính thu hút FDI phục vụ các lĩnh vực thuộc định hướng phát triển theo chiến lược đề ra.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chiến lược thu hút nhân tài và phát triển KH - CN phục vụ thu hút FDI.

1.5.3. Kinh nghiệm thu hút FDI của Thái Lan:

Thái Lan là quốc gia có những thành công nhất định thu hút FDI trong các nước khu vực ASEAN. Là quốc gia thuần nông nhưng được lựa chọn làm sân sau trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Đông Dương, Chính phủ Thái Lan đã biết triệt để tận dụng cơ hội này để phát triển công nghiệp phục vụ khai thác nông nghiệp xuất khẩu. Nhờ có định hướng chiến lược đúng, lại có được cơ sở vật chất kỹ thuật và KT - XH tương đối thuận lợi, Thái Lan thực sự trở thành nơi thu hút FDI khá lý tưởng của các nhà đầu tư khắp các châu lục và các quốc gia láng giềng.

Ngoài những tác động từ phía Nhà nước như đầu tư cơ sở hạ tầng, ưu tiên phát triển đào tạo nguồn nhân lực, Nhà nước Thái Lan còn đặc biệt quan tâm hình thành một số chính sách đáng lưu ý:

- Miễn thuế từ 3 – 5 năm cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Thái Lan. Những doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực Nhà nước khuyến

khích đầu tư, vùng sâu, vùng xa,... còn được miễn giảm nhiều hơn và còn nhận được sự hậu thuẫn và hỗ trợ của Nhà nước thông qua nhiều chính sách khác.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị và nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI.

- Giảm thuế cho tất cả các dự án FDI đầu tư vào khu vực ngoài thủ đô Bangkok. Đồng thời chú trọng hỗ trợ việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho các dự án đầu tư lớn.

- Hình thành các khu chế xuất với các loại chính sách đặc thù nhằm thu hút vốn tập trung hướng vào phục vụ xuất khẩu trong và ngoài nước. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quyền bán, chuyển nhượng, bảo tồn vốn khi có những rủi ro, những nguyên nhân khách quan bất khả kháng, được chuyển lợi nhuận về nước,...

1.5.4. Bài học kinh nghiệm về thu hút FDI đối với Việt Nam:

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt nam lần thứ X, khẳng định quan điểm về thu hút FDI là: “Kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.... Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài bằng cách: Cải thiện môi trường pháp lý và kinh tế, đa dạng hoá các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh quan trọng”.

Có thể thấy rằng, thu hút FDI trong bối cảnh cạnh tranh rất quyết liệt hiện nay, việc tìm hiểu các quốc gia khá thành công trong thu hút FDI để tự đổi mới mình là một quyết sách đúng nhằm khắc phục những điểm yếu và chủ động hội nhập. Từ những kinh nghiệm thu hút FDI của các nước Trung Quốc, Singapore, Thái Lan có thể rút ra những bài học kinh nghiệm về thu hút FDI đối với Việt Nam như sau:

- Nguồn vốn FDI đóng vai trò rất quan trọng đối với các nước đang phát triển trong việc tạo nguồn vốn ban đầu để phát triển kinh tế quốc gia. Vấn đề là

Chính phủ các nước cần phải có chính sách hợp lý trong từng thời kỳ để khuyến khích thu hút FDI. Phải kiên trì theo đuổi cải cách và mở cửa, giữ vững nguyên tắc sử dụng vốn đầu tư nước ngoài một cách chủ động, hợp lý và hiệu quả. Cần thống nhất nhận thức rằng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là một nguồn lực kinh tế quan trọng, là khu vực năng động và đi đầu về kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng và kinh nghiệm quản lý.

- Phải nhất quán quan điểm phát triển dựa trên cả nguồn lực bên trong và bên ngoài. Mọi hoạt động kinh tế dù là nguồn lực bên trong (từ nhà nước và nhân dân) hay bên ngoài (từ nhà đầu tư nước ngoài) hoạt động theo đúng pháp luật đều được coi là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tất cả các thành phần đó đều phải được coi trọng, đối xử như nhau.

- Muốn thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI Chính phủ cần chuẩn bị tốt về cơ sở hạ tầng vật chất, cơ sở hạ tầng tài chính, trình độ lực lượng lao động,...

- Để phát huy đúng mức nguồn vốn FDI, việc phát huy và khuyến khích nguồn vốn đầu tư trong nước, khai thác nội lực của một quốc gia phải được đặc biệt chú trọng. Khuyến khích đầu tư trong nước phải được xem là một giải pháp hỗ trợ cho việc thu hút FDI, kể cả việc khuyến khích mở rộng đầu tư ở trong nước ra thị trường nước ngoài.

- Để dành thế chủ động trong thu hút FDI cần phải có một chiến lược phát triển kinh tế thật cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và xu thế chung. Từ đó lựa chọn những ngành nghề cần ưu tiên có tính chất động lực để thu hút đầu tư tạo ra tổ chức mới cho lĩnh vực này phát triển. Cần thu hút FDI vào những địa phương có lợi thế để phát huy vai trò của các vùng động lực, tạo điều kiện liên kết phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của các vùng phụ cận về nguyên liệu, lao động và các nguồn lực khác. Đồng thời có chính sách ưu đãi hơn nữa để khuyến khích FDI vào những vùng, địa bàn có điều kiện KT - XH còn khó khăn. Bên cạnh đó, cần tập trung thu hút FDI vào các khu công nghiệp tập trung đã hình thành theo quy hoạch được phê duyệt. Thêm vào đó, cần mạnh dạn mở thêm hình thức đầu tư

mới như: xây dựng khu kinh tế đặc biệt, khu mậu dịch tự do, khu kinh tế cửa khẩu,...

- Các nhà đầu tư nhất là các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm đến môi trường đầu tư. Khi gặp những bất lợi, biến động môi trường đầu tư họ thường tìm cách rút vốn hoặc ngưng đầu tư. Điều này gây nên những biến động bất lợi cho nền kinh tế của nước tiếp nhận đầu tư. Vì vậy cần phải tạo môi trường đầu tư thật sự thông thoáng, ổn định về KT - XH, về chính sách vĩ mô,... là vấn đề vô cùng quan trọng. Chính phủ cần có một chính sách vĩ mô khéo léo, linh hoạt; trong quá trình mở cửa kinh tế phải tính toán thật kỹ, mở cửa từng bước, hợp lý và vững chắc. Phải thực hiện các chính sách và biện pháp thu hút FDI một cách có hiệu quả. Kết hợp chính sách ưu đãi thuế và cải cách thủ tục hành chính để thu hút FDI. Tiến tới thu hút FDI qua lợi thế về nhân lực, hạ tầng cơ sở, công nghệ và chi phí giao dịch và loại bỏ các chính sách bảo hộ thiếu cần nhắc.

Kết luận chương 1: Nguồn vốn FDI có vai trò, vị trí quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế của một quốc gia, nhất là đối với Việt Nam hiện nay. FDI làm tăng nguồn vốn đầu tư, giúp nước ta cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện các mục tiêu KT – XH, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. FDI mang vào nước ta các kỹ thuật, công nghệ mới, mô hình tổ chức quản lý tiên tiến, góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng nguồn ngoại tệ góp phần hỗ trợ cán cân thanh toán, góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước, tạo sức ép cạnh tranh trên thị trường, v.v... Có thể thấy rằng việc tiếp nhận FDI là lợi thế rõ nét, giúp nước ta có điều kiện tiếp cận với nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, FDI cũng có những mặt trái, hạn chế nhất định. Vì vậy việc đánh giá đúng vai trò, vị trí của nguồn vốn FDI là rất cần thiết, trên cơ sở dựa vào kinh nghiệm thu hút vốn FDI của một số nước trong khu vực như: Trung Quốc, Singapore, Thái Lan, chúng ta cần phải rút ra những bài học kinh nghiệm, những giải pháp lâu dài để tăng cường thu hút vốn FDI và hạn chế những mặt trái do chính nguồn vốn này mang lại nhằm mục tiêu phát triển KT – XH của đất nước theo hướng CNH – HDH.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Đặc điểm và tiềm năng của tỉnh Lâm Đồng:

2.1.1. Điều kiện tự nhiên về tỉnh Lâm Đồng:

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích 976.479 ha, dân số 1.160.000 người. Phía đông giáp tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, phía tây giáp tỉnh Bình Phước, phía tây nam giáp tỉnh Đồng Nai, phía nam – đông nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía tây bắc giáp tỉnh Đắk Nông. Lâm Đồng là tỉnh nằm trong nội địa Việt Nam, không có đường biên giới quốc gia và bờ biển. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính, gồm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và 9 huyện. Tỉnh lỵ đặt tại thành phố Đà Lạt, về hướng bắc cách thủ đô Hà Nội khoảng 1.500 km, về hướng nam cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 300 km.

Địa hình: đặc điểm nổi bật của địa hình tỉnh Lâm Đồng là sự phân bậc khá rõ ràng từ bắc xuống nam. Phía bắc tỉnh là vùng núi cao, vùng cao nguyên Langbiang; phía đông và tây có dạng địa hình núi thấp; phía nam là vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh – Bảo Lộc và bán bình nguyên. Căn cứ vào độ cao có thể chia ra làm 4 dạng địa hình: địa hình núi; địa hình cao nguyên; địa hình đồi và địa hình thung lũng.

Khí hậu: theo phân loại khí hậu, tỉnh Lâm Đồng thuộc vùng 4 của khí hậu Tây Nguyên với khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết ở Lâm Đồng ôn hòa, dịu mát quanh năm; thường ít có biến động lớn trong chu kỳ năm. Nhiệt độ trung bình năm của tỉnh dao động $18^{\circ} - 20^{\circ}\text{C}$.

2.1.2. Hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh Lâm Đồng:

- Hệ thống giao thông: hệ thống đường bộ của Lâm Đồng phân bố đều khắp trong tỉnh với tổng chiều dài 2.039,4 km, trong đó: đường bê tông nhựa nóng 568,72 km, đường cấp phối 523,2 km, đường đất 929,48 km. Đường ô tô đến được 100% trung tâm các xã. Có các tuyến quốc lộ 20, 27, 28 nối liền Lâm Đồng với

vùng Đông Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, các tỉnh Duyên hải miền Trung. Cảng hàng không sân bay Liên Khương hiện có các chuyến bay Đà Lạt - TP Hồ Chí Minh; Đà Lạt – Hà Nội và đang được đầu tư nâng cấp để trở thành sân bay quốc tế trong tương lai.

- Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước và vệ sinh môi trường:

+ Đến nay, 11/12 trung tâm các huyện, thị, thành trong tỉnh được cấp nước máy sử dụng; các nơi còn lại đều được xây dựng các công trình cấp nước sạch khác như hệ thống công trình cấp nước tự chảy qua bể lắng lọc và giếng khoan.

+ Về cấp điện: Nguồn điện cung cấp cho Lâm Đồng ổn định từ nhà máy thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận – Đa Mi, Suối Vàng và đến nay 100% xã đã có điện lưới quốc gia.

+ Về thoát nước và vệ sinh môi trường: hiện nay, hầu hết các thị trấn, thành phố, thị xã, các khu du lịch, các cơ sở công nghiệp trong tỉnh chưa có hệ thống thoát nước bản. Nước bản chỉ được xử lý bằng bể tự hoại hoặc bán tự hoại, có nơi còn xả thẳng xuống sông, suối, hồ. Tại các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn hầu như không có hệ thống xử lý trước khi cho thoát ra môi trường tự nhiên; nước bản của các bệnh viện cũng chỉ được xử lý bằng bể tự hoại. Đây là điều cần lưu ý trong quá trình phát triển các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.

- Lĩnh vực thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông: hệ thống các bưu điện, bưu cục đã phủ kín toàn tỉnh, hệ thống điện thoại đã đến 100% xã, phường, thị trấn; đã phủ sóng 100% huyện, thị thành trong tỉnh; đến năm 2006 tỷ lệ máy điện thoại là 10máy/100dân.

2.1.3. Các tiềm năng, thế mạnh KT - XH của tỉnh Lâm Đồng:

- Lâm Đồng có lợi thế về đất đai rất phong phú về chủng loại, độ phì nhiêu khá thích hợp cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung thành các vùng quy mô khá lớn, thuận lợi cho tổ chức khai thác thành các vùng nguyên liệu tập trung. Khí hậu thời tiết ôn hoà mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình 18 – 20°C,... thuận lợi để cho phép bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới. Tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu của tỉnh Lâm Đồng rất thích hợp để phát triển

các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, dâu tằm, rau, hoa, phát triển chăn nuôi bò sữa,... Rừng và khoáng sản rất đa dạng với 25 loại khoáng sản khác nhau, có một số mỏ có tiềm năng khai thác công nghiệp như bô-xít Bảo Lộc – Tân Rai, vàng Tà Năng, bentônít Tam Bó, vùng quặng cao lanh chịu lửa Đà Lạt, than nâu, diatômít, sét gạch ngói,... Đây là cơ sở, tiềm năng hình thành nguồn nguyên liệu để phục vụ cho việc phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp đồ gỗ và công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản của địa phương.

- Lâm Đồng có mạng lưới sông suối khá phong phú, với khoảng 60 sông suối có chiều dài trên 10 km, một số sông suối lớn như sông Đồng Nai, Đa Nhim, Đa Dâng,.. suối Đa Tam, Đại Nga,.. Nhìn chung tài nguyên nước của Lâm Đồng có nguồn sinh thủy rộng, modul dòng chảy lớn, chất lượng nước tốt có thể đáp ứng được nhu cầu nước tưới cho sản xuất và sinh hoạt. Đồng thời với địa hình khá thuận lợi cho xây dựng các hồ chứa nước và đập dâng ngay trong các khu vực sản xuất nông nghiệp, có thể kết hợp khai thác tiềm năng về thủy điện và hoạt động du lịch.

- Du lịch được xem là một trong những thế mạnh đặc trưng của Lâm Đồng với thành phố Đà Lạt là một trong những trung tâm du lịch của cả nước. Du lịch phát triển dựa trên những tiềm năng đa dạng và phong phú như: khí hậu quanh năm mát mẻ, môi trường trong sạch, phong cảnh thiên nhiên thơ mộng; cấu trúc địa hình đã tạo cho Lâm Đồng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: thác, hồ, suối,... với 2 khu du lịch quốc gia là Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng và Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm. Ngoài ra còn có Vườn Quốc gia Cát Tiên và Vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà là nơi còn lưu giữ và bảo tồn nhiều loài động, thực vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ của Việt Nam. Đặc biệt Vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà cách thành phố Đà Lạt hơn 10 km, với diện tích trên 64.000 ha, tại đây hiện còn tồn tại các hệ sinh thái rừng khí hậu Á nhiệt đới núi cao và các loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm; đây là 1 trong 221 khu chim đặc hữu của thế giới và là 1 trong 3 vùng chim đặc hữu của Việt Nam. Lâm Đồng là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em, trong đó có các cộng đồng dân tộc thiểu số là cư dân bản địa như: K'Ho, Chu ru, Ma,.. lễ hội, rượu cần, dệt thổ cẩm là nét đặc trưng cho văn hoá dân tộc

thiếu số Lâm Đồng. Các tiềm năng thế mạnh này rất phù hợp để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, tham quan nghỉ dưỡng và hội nghị hội thảo, du lịch văn hoá, nghiên cứu...

- Hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 02 Trường Đại học, 01 Trường Cao đẳng, 01 Trường Trung học y tế, 02 Trường Trung học kinh tế – kỹ thuật, 02 Trường Dạy nghề. Nhiều Trung tâm nghiên cứu khoa học của trung ương đóng trên địa bàn như: Viện Nghiên cứu hạt nhân, Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp, Trung tâm nghiên cứu cây rau, Phân viện sinh học,... đã góp phần đáng kể trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất tại địa phương. Nếu tận dụng lợi thế và có biện pháp kết hợp công tác đào tạo, nghiên cứu gắn với nguồn lao động rẻ tại chỗ thì chi phí cho lao động ở đây sẽ thấp hơn nhiều so với nhiều nơi trong nước và kể cả các nước khác trong khu vực. Đây là lợi thế của địa phương để có thể khai thác phát triển các ngành nghề cần nhiều lao động như công nghiệp chế biến, may mặc, dịch vụ du lịch,...

- Với hệ thống giao thông đường bộ toàn tỉnh đã đến được tất cả các xã và cụm dân cư; các tuyến quốc lộ 20, 27, 28, đường ĐT 723 nối liền Lâm Đồng với vùng Đông Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, các tỉnh Duyên hải miền Trung và Cảng hàng không sân bay Liên Khương đang được nâng cấp thành sân bay quốc tế; đã tạo cho Lâm Đồng mối quan hệ KT – XH bền chặt với các tỉnh trong khu vực và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là thành phố Hồ Chí Minh. Đây là điều kiện thuận lợi, tạo cơ hội cho Lâm Đồng tham gia, hợp tác phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm, phát triển du lịch,... từ đó tạo thế và lực cho Lâm Đồng khai thác có hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng của mình để đẩy nhanh phát triển kinh tế theo hướng tăng tốc, đột phá.

2.1.4. Tình hình KT – XH của tỉnh Lâm Đồng:

Qua hơn 20 năm cùng với cả nước thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế đất nước, nhất là giai đoạn 2000 – 2006 tình hình KT – XH tỉnh Lâm Đồng đã đạt được một số kết quả quan trọng, có nhiều mặt chuyển biến tích cực. GDP tăng khá, mức tăng hàng năm đều cao hơn mức tăng của cả nước (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2000 – 2005 là 10,7%, năm 2006 17,4%), mỗi năm giải

quyết được gần 30.000 việc làm mới cho người lao động. Cơ cấu kinh tế của tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn này đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực là tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và ngành dịch vụ - du lịch.

Riêng năm 2006: tốc độ tăng trưởng GDP là 17,4%. Cơ cấu kinh tế: ngành nông lâm nghiệp 48,3%; ngành công nghiệp – xây dựng 20,9%; ngành dịch vụ - du lịch 30,8%. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 158 triệu USD. Tổng đầu tư toàn xã hội 3.750 tỷ đồng, trong đó: vốn Nhà nước 2.340 tỷ đồng; vốn ngoài quốc doanh 1.109 tỷ đồng; vốn FDI 301 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 1.350 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm xuống còn 21,44%.

Nhìn chung giai đoạn 2000 – 2006, đặc biệt từ năm 2003 trở lại đây, nền kinh tế tỉnh Lâm Đồng đã có bước phát triển đột phá, đã dần đi vào ổn định, năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng được tăng cường. Hoạt động văn hoá – xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được nâng lên qua các năm, đã tạo việc làm mới cho hơn 143.000 lao động. Từ đó đã tạo thế và lực mới, mở ra khả năng phát triển đột phá tạo điều kiện cho Lâm Đồng đẩy mạnh hơn nữa quá trình CNH – HĐH trong những năm tiếp theo.

2.2. Thực trạng thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng thời gian qua:

2.2.1. Tình hình thu hút FDI ở Lâm Đồng giai đoạn 1990 đến quý I năm 2007:

Từ khi Nhà nước thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế đất nước, Luật đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1987 với mục tiêu là đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế quốc tế, thu hút FDI, tăng cường công nghệ mới, nâng cao khả năng quản lý, giải quyết việc làm cho người lao động,... Qua đó đã khơi dậy khả năng đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào sản xuất kinh doanh, tạo môi trường pháp lý để thu hút FDI góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng.

Đối với tỉnh Lâm Đồng trong triển khai thực hiện thu hút FDI trên địa bàn luôn bám sát và thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước. Đồng thời, trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng đã ban hành nhiều văn bản, quy định để cụ thể hóa quy định của Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành

trung ương trên tinh thần vận dụng các ưu đãi theo hướng có lợi nhất cho các nhà đầu tư để nhằm tăng cường thu hút đầu tư. Ngoài ra tỉnh Lâm Đồng còn có thêm chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng mà tổ chức đào tạo nghề cho lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lâm Đồng để sử dụng thì được xem xét để hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách địa phương cho công tác đào tạo nghề của doanh nghiệp.

Tính đến năm 2006, so với khu vực Tây Nguyên, Lâm Đồng là tỉnh đứng đầu trong thu hút FDI, vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào Lâm Đồng chiếm 79,1% trên tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào khu vực Tây Nguyên.

FDI bắt đầu vào Lâm Đồng từ năm 1990, nhìn chung nhịp độ thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng biến động thất thường không đồng đều qua các năm, có thể chia làm các giai đoạn sau:

- Giai đoạn từ 1990 – 1995: giai đoạn này số lượng dự án FDI vào Lâm Đồng không nhiều nhưng tăng đều qua các năm. Riêng năm 1991 thu hút được 2 dự án đầu tư có mức vốn đăng ký đầu tư cao nhất trong giai đoạn này (43.054.705 USD so với năm 1990 là 3.221.116 USD).

- Giai đoạn 1996 – 1998: giai đoạn này là đỉnh cao của thu hút FDI tại Lâm Đồng với mức vốn đầu tư tăng qua các năm và tăng rất cao vào năm 1998 (với dự án Khu nghỉ mát Đà Lạt – Đan Kia, tổng vốn đầu tư 706 triệu USD). Đây là giai đoạn quy mô dự án cao nhất từ trước đến nay tại tỉnh Lâm Đồng.

- Giai đoạn 1999- 2003: giai đoạn này hoạt động FDI có xu hướng chững lại và giảm đáng kể về số lượng lẫn mức vốn đăng ký, chỉ tăng trở lại trong năm 2003. Quy mô vốn đầu tư của đa số các dự án đều nhỏ và chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp nhẹ, nông nghiệp như dệt, may mặc; trồng và chế biến trà, cà phê, rau, hoa, nấm ...

- Giai đoạn 2004 – quý I năm 2007: giai đoạn này nhịp độ thu hút FDI có xu thế giảm trong 2 năm đầu và bắt đầu tăng trở lại trong năm 2006 về số lượng nhưng chủ yếu vẫn là đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, quy mô vốn đầu tư của các dự án nhỏ, tính bình quân khoảng 819.000 USD/dự án (cao nhất là 2.000.000 USD, thấp nhất là 300.000 USD). Đáng chú ý là vào khoảng cuối năm 2006 và đầu năm

2007 có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài đến khảo sát tìm hiểu đầu tư vào lĩnh vực du lịch (xây dựng, kinh doanh sân golf, khu du lịch sinh thái), thủy điện, công nghiệp,... với mức vốn đầu tư dự kiến khoảng vài trăm triệu USD. Riêng trong quý I năm 2007 tỉnh đã cấp chứng nhận đăng ký đầu tư cho 4 dự án với mức vốn 88.850.00 USD, trong đó có 2 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch- dịch vụ với mức vốn là 88.000.000 USD, còn lại là 2 dự án trong lĩnh vực công nghiệp.

Bảng 2.1 Tình hình thu hút FDI tại Lâm Đồng từ năm 1990 đến quý I năm 2007.

Năm	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (USD)	Vốn pháp định (USD)
1990	1	3.221.116	300.000
1991	2	43.054.705	43.054.705
1992	4	9.660.000	5.380.000
1993	4	7.074.569	2.973.875
1994	5	10.465.720	8.570.000
1995	9	16.709.090	14.305.030
1996	6	17.543.945	12.215.565
1997	5	25.124.183	10.030.929
1998	11	752.020.000	26.088.500
1999	3	3.700.000	1.800.000
2000	4	2.303.000	2.203.000
2001	4	3.668.610	3.668.610
2002	5	4.670.000	2.970.000
2003	10	19.302.000	15.451.054
2004	9	15.850.000	6.900.000
2005	7	7.000.000	3.950.000
2006	11	9.760.000	5.958.900
Quý I 2007	4	88.850.000	38.390.000
Cộng	104	1.040.876.956	204.209.268

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Tính đến hết quý I năm 2007 tổng số dự án FDI tại Lâm Đồng còn hiệu lực là 85 dự án (không tính dự án đã rút giấy phép, giải thể hoặc sáp nhập) với tổng vốn đăng ký 305.647.815 USD; gồm 71 dự án 100% vốn nước ngoài với mức vốn

212.844.443 USD, 09 dự án đầu tư liên doanh với mức vốn 86.953.372 USD và 04 dự án hợp đồng hợp tác kinh doanh với mức vốn 5.850.000 USD; đã thực hiện đầu tư đạt 229.235.861 USD bằng 75% tổng vốn đăng ký. Các nhà đầu tư đến từ 17 quốc gia và vùng lãnh thổ, chủ yếu là Đài Loan, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Canada,... Các dự án FDI đa số là các dự án nhỏ quy mô vốn đầu tư bình quân từ 500.000 USD đến 2.000.000 USD, chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, khách sạn - du lịch, dịch vụ, các ngành nghề còn lại không có dự án đầu tư.

Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã tạo ra một số sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, đã xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm đặc thù của địa phương như: Hoa của Cty Đà Lạt Hasfarm, Cty Bonniefarm, Cty Hung Nông; Trà của Cty Kinh Lộ, Cty Fusheng, Cty Haiyih, Cty Tân Nam Bắc; Rau của Cty rau nhà xanh, Cty thực phẩm Đà Lạt – Nhật Bản, Cty Asuzắc; Cà phê của Cty Olam Việt Nam;... Riêng đối với các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực khách sạn - du lịch hiệu quả mang lại không đáng kể.

Có thể thấy rằng đối với tỉnh Lâm Đồng thời gian qua, mặc dù sự đóng góp của các dự án FDI vào sự phát triển kinh tế địa phương còn khiêm tốn, nhưng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã ngày càng thể hiện vị trí, vai trò tích cực của mình trong việc tham gia khai thác có hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng sẵn có của địa phương góp phần vào: phát triển KT - XH, nâng cao năng lực sản xuất và trình độ công nghệ, trình độ quản lý, tham gia phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao, thu hút, giải quyết việc làm cho một bộ phận người lao động, đóng góp cho ngân sách địa phương.

Nhìn chung, tốc độ thu hút FDI tại Lâm Đồng trong giai đoạn 1990- 2006 biến động tăng giảm không đồng đều qua các năm về số lượng dự án đầu tư và mức vốn đầu tư. Năm 1998, là thời điểm quy mô dự án cao nhất từ trước đến nay tại tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên từ năm 1998 đến nay tình hình thu hút FDI tại Lâm Đồng biến động thất thường qua các năm nhưng điều đáng quan tâm là mức vốn đầu tư bình quân của một dự án ngày càng nhỏ dần (giai đoạn 1990 – 2000 bình quân vốn đầu tư 1.670.00 USD/dự án thì năm 2006 tính bình quân khoảng 819.000 USD/dự

án và chủ yếu vẫn là đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, không có dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch – dịch vụ và công nghiệp). Mặc dù trong quý I năm 2007 tình hình thu hút FDI có tăng lên nhưng có thể thấy rằng vấn đề thu hút FDI của tỉnh Lâm Đồng đã trở thành một vấn đề cấp bách cần phải được quan tâm một cách tích cực hơn trong thời gian tới nhất là việc vận động để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực được xem là tiềm năng, thế mạnh của Lâm Đồng như du lịch, công nghiệp chế biến khai thác khoáng sản,...

2.2.2. Thu hút FDI vào Lâm Đồng đăng ký theo ngành:

Tính đến hết quý I năm 2007, tỷ trọng các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phân theo ngành như sau:

Bảng 2.2. FDI vào Lâm Đồng phân theo ngành kinh tế tính đến hết quý I năm 2007: (không tính các dự án đã rút vốn, giải thể, sáp nhập):

ĐVT: USD

Ngành	Số dự án		Vốn đăng ký	
	Tổng số	Tỷ trọng %	Mức vốn	Tỷ trọng %
Nông lâm nghiệp	30	35,29	79.195.815	25,91
Công nghiệp nhẹ	48	56,47	87.752.000	28,71
Khách sạn, du lịch	04	04,71	133.000.000	43,51
Dịch vụ	03	03,53	5.700.000	01,87
Cộng	85	100%	305.647.815	100%

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Các dự án FDI tại Lâm Đồng thời gian qua chỉ đầu tư vào 4 lĩnh vực là nông lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ, khách sạn- du lịch và dịch vụ; các lĩnh vực khác không có. Lĩnh vực công nghiệp nhẹ số dự án là nhiều nhất 48 dự án chiếm 56,47%; tổng vốn đầu tư chiếm 28,71%, nhưng mức vốn đầu tư bình quân rất thấp, 1.828.166 USD/dự án. Lĩnh vực nông lâm nghiệp cũng giống như công nghiệp nhẹ số lượng dự án đầu tư đứng thứ 2 chiếm 35,29%; tổng vốn đầu tư chiếm 25,91%; vốn đầu tư bình quân 2.639.860 USD/dự án. Lĩnh vực khách sạn- du lịch và dịch vụ số lượng dự án còn rất ít, 07 dự án chiếm 08,24%, nhưng vốn đầu tư chiếm tỷ trọng cao nhất so với các ngành còn lại, chiếm 45,38% tổng vốn đầu tư, vốn đầu tư bình quân 19.814.286 USD/dự án.

Từ thực tế này cho thấy cần có những giải pháp thích hợp và tích cực hơn nữa trong kêu gọi thu hút vốn FDI vào các lĩnh vực du lịch – dịch vụ, khai thác chế biến khoáng sản, thủy điện,... nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế theo hướng CNH - HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra là tăng tỷ trọng ngành du lịch - dịch vụ, công nghiệp – xây dựng và giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp.

2.2.3. Thu hút FDI vào Lâm Đồng phân theo địa bàn đầu tư:

Thành phố Đà Lạt, huyện Đơn Dương, thị xã Bảo Lộc, huyện Đức Trọng là địa bàn thu hút FDI cao nhất cả về số lượng và mức vốn đầu tư. Trong đó, cao nhất là thành phố Đà Lạt có 19 dự án với tổng vốn đầu tư 146.271.235 USD chiếm 47,86% cả tỉnh (có 2 dự án có vốn đầu tư lớn nhất tỉnh là dự án Khu nghỉ mát Đà Lạt vốn đầu tư 40.000.000 USD và dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, hội nghị quốc tế kết hợp nghỉ dưỡng, điều dưỡng phục hồi chức năng, trung tâm lão khoa, chăm sóc tim mạch vốn đầu tư 70.000.000 USD vừa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong quý I năm 2007); kế đến là huyện Đơn Dương có 11 dự án với tổng vốn đầu tư 52.279.308 USD chiếm 17,10% cả tỉnh; thị xã Bảo Lộc có 17 dự án với tổng vốn đầu tư 30.146.605 USD chiếm 09,86% cả tỉnh; huyện Đức Trọng có 16 dự án với tổng vốn đầu tư 28.200.000 USD chiếm 09,23% cả tỉnh. Còn lại các địa bàn như huyện Di Linh, Bảo Lâm, Lâm Hà, Lạc Dương, Đạ Huoai thu hút được dự án đầu tư nhưng mức vốn đầu tư còn thấp chủ yếu là các dự án đầu tư có quy mô nhỏ và đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, chế biến nông sản. Riêng ba huyện Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đam Rông là các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhất của tỉnh hiện chưa có dự án FDI .

Từ các yếu tố trên cho thấy, FDI vào tỉnh Lâm Đồng là không đồng đều giữa các vùng, địa phương trong tỉnh. Tập trung nhiều vào các địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn những vùng có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, điều kiện đất đai, khí hậu,... Tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa hầu như chưa được các nhà đầu tư quan tâm.

Bảng 2.3: FDI vào Lâm Đồng phân theo địa bàn đầu tư tính đến hết quý I năm 2007 (không tính các dự án đã rút vốn, giải thể, sáp nhập):

STT	Địa bàn	Số dự án	Mức vốn đầu tư (USD)
1.	Thành phố Đà Lạt	19	146.271.235
2.	Huyện Đơn Dương	11	52.279.308
3.	Thị xã Bảo Lộc	17	30.146.605
4.	Huyện Đức Trọng	16	28.200.000
5.	Huyện Di Linh	5	16.051.667
6.	Huyện Lâm Hà	4	13.300.000
7.	Huyện Bảo Lâm	10	8.500.000
8.	Huyện Đạ Huoai	1	8.399.000
9.	Huyện Lạc Dương	2	2.500.000
10.	Huyện Đạ Tẻh	0	0
11.	Huyện Cát Tiên	0	0
12.	Huyện Đam Rông	0	0
	Tổng cộng	85	305.647.815

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Có thể nói tỉnh Lâm Đồng là địa phương khá thành công trong việc khai thác lợi thế về điều kiện đất đai thổ nhưỡng, khí hậu,... của từng địa bàn trong tỉnh để thu hút FDI vào các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp như trồng, chế biến trà, cà phê, rau, hoa, củ, quả và các mặt hàng nông sản xuất khẩu khác theo công nghệ hiện đại cho năng suất, chất lượng, giá bán sản phẩm cao. Từ khi có đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực này đã tác động tích cực trong chuyển giao kỹ thuật công nghệ canh tác, chế biến, bảo quản sản phẩm theo phương pháp hiện đại trên các lĩnh vực trồng hoa, lan, rau, củ, nấm,... cho người dân của địa phương, qua đó làm tăng hiệu quả đầu tư trong sản xuất nông nghiệp, đưa giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác lên cao gấp nhiều lần so với trước. Ngành công nghiệp nhẹ, chủ yếu là các dự án đầu tư vào lĩnh vực dệt, may mặc,... đã giải quyết được một số lượng lớn lao động tại chỗ.

Lĩnh vực du lịch – dịch vụ số dự án đầu tư thu hút được còn ít, hoạt động kém hiệu quả, cá biệt có dự án thua lỗ kéo dài như dự án đầu tư Khu nghỉ mát Đà

Lạt (liên doanh giữa Tập đoàn Đa Nao của Hồng Công với Công ty du lịch Lâm Đồng thành lập Công ty liên doanh DRI) vốn đầu tư 40.000.000 USD, vừa mới chuyển đổi sang hình thức đầu tư 100% vốn đầu tư nước ngoài vào tháng 8 năm 2006. Có thể thấy rằng mặc dù lĩnh vực du lịch – dịch vụ, công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản, thủy điện,... được xác định là tiềm năng, thế mạnh của Lâm Đồng nhưng việc khai thác thu hút FDI vẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả đầu tư thấp chưa đáp ứng được theo yêu cầu đặt ra cho mục tiêu phát triển.

2.2.4. FDI vào Lâm Đồng phân theo đối tác đầu tư (quốc gia, vùng lãnh thổ):

Đến quý I năm 2007 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã có 17 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Lâm Đồng, chủ yếu là Đài Loan, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Hồng Công, Canada,...

Bảng 2.4. FDI vào Lâm Đồng phân theo đối tác đầu tư (quốc gia, vùng lãnh thổ):

STT	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Số dự án	Mức vốn đầu tư (USD)
1	Đài Loan	43	83.360.000
2	Nhật Bản	9	32.453.372
3	Singapore	6	18.799.000
4	Hàn Quốc	9	17.143.135
5	Hồng Công	3	47.050.000
6	Ma Cao	1	18.000.000
7	Anh	1	5.000.000
8	Thụy Sĩ	1	750.000
9	Indonesia + Hồng Công	1	6.000.000
10	Ý	1	543.000
11	Pháp	2	2.650.000
12	Pháp + Bỉ	1	319.308
13	Trung Quốc	2	1.020.000
14	Đức	1	1.000.000
15	Canada	2	71.000.000
16	Mỹ	1	200.000
17	Úc	1	360.000
	Tổng cộng	85	305.647.815

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Các quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư chiếm số lượng dự án và mức vốn đầu tư cao hầu hết đều thuộc khu vực Đông Á, cao nhất là Đài Loan. Các khu vực khác như châu Âu, Bắc Mỹ, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc... số lượng dự án đầu tư vào Lâm Đồng còn rất ít.

Các dự án đầu tư chủ yếu của các nhà đầu tư riêng lẻ, quy mô vốn nhỏ. Thời gian gần đây đã xuất hiện các tập đoàn, công ty đa quốc gia quan tâm tiềm kiếm cơ hội đầu tư vào Lâm Đồng, cụ thể là trong quý I năm 2007 đã có 02 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch và được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn là 88.000.000 USD (một của đối tác Ma Cao 18.000.000 USD và một của đối tác Canada 70.000.000 USD).

Cũng phải thấy rằng, thời gian qua công tác xúc tiến, kêu gọi FDI của tỉnh Lâm Đồng còn rất hạn chế. Việc chủ động tìm kiếm đến từng đối tác, công ty, tập đoàn kinh tế lớn,... để mời gọi đầu tư chưa được thực hiện. Cần phải quan tâm chú trọng nhiều hơn nữa đến công tác này trong thời gian tới.

2.2.5. FDI vào Lâm Đồng phân theo hình thức đầu tư:

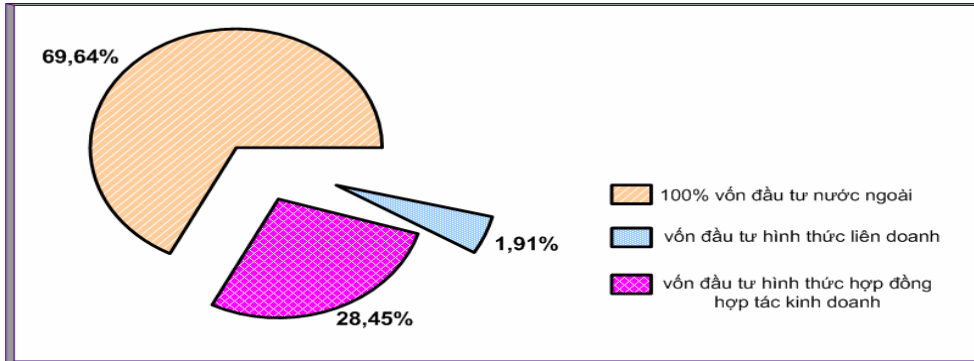
Tính đến hết quý I năm 2007, FDI vào Lâm Đồng chủ yếu là hình thức 100% vốn nước ngoài. Kế đến là hình thức liên doanh, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm tỷ lệ thấp. Các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO chưa có tại Lâm Đồng. Có thể phân chia theo hình thức đầu tư cụ thể như sau:

- Đầu tư 100% vốn nước ngoài: 71 dự án với mức vốn 212.844.443 USD, chiếm 69,64%.

- Đầu tư theo hình thức liên doanh: 09 dự án với mức vốn 86.953.372 USD, chiếm 28,45%.

- Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh: 04 dự án với mức vốn 5.850.000 USD, chiếm 01,91%.

Biểu đồ 2.1: Tỷ trọng FDI theo hình thức đầu tư



Cũng như xu thế chung trong thu hút FDI của cả nước, trong giai đoạn đầu tư vào những năm của thập kỷ 90, tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh tại Lâm Đồng chiếm rất cao (như năm 1991 chiếm 93%, năm 1998 chiếm 95%), doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ lệ rất ít. Thời gian gần đây các nhà đầu tư nước ngoài đa số đều chọn hình thức đầu tư trực tiếp 100% vốn nước ngoài.

2.3. Tác động của FDI đến tình hình KT- XH của tỉnh Lâm Đồng:

Sau gần 20 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng khẳng định vai trò quan trọng và có tác động tích cực đến tình hình phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng. Nguồn vốn FDI đã, đang và sẽ là một nguồn vốn quan trọng trong quá trình phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng, thể hiện ở các mặt sau:

2.3.1. Đối với vốn đầu tư toàn xã hội và tăng trưởng kinh tế:

Với đặc thù là tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nghèo, chậm phát triển, xuất phát điểm thấp, khả năng tích lũy của nền kinh tế ở mức rất thấp, không đáng kể so với yêu cầu cho đầu tư phát triển. Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển là rất lớn, vốn FDI được coi là một nguồn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu đầu tư cho phát triển của địa phương.

Bảng 2.5: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội phân theo nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2001 – 2006 (giá thực tế):

ĐVT: triệu đồng

Năm	Tổng số	Vốn từ Nhà nước	Vốn ngoài quốc doanh	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	
				Vốn	Tỷ trọng
2001	1.212.935	540.330	640.517	32.088	02,65%
2002	1.425.029	705.506	663.523	56.000	03,93%
2003	1.572.978	622.395	676.516	274.067	17,42%
2004	2.259.928	1,102.021	873.945	283.062	12,53%
2005	3.042.939	1.832.983	1.003.516	206.440	06,78%
2006	3.750.000	2.340.000	1.109.000	301.000	08,03%

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Trong giai đoạn 2001 – 2006, tỷ trọng vốn FDI chiếm khoảng 08,69% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; tỷ trọng này tăng dần từ năm 2001 và cao nhất là vào năm 2003 chiếm 17,42%, sau đó bắt đầu biến động thất thường; riêng năm 2006, tỷ trọng vốn FDI chiếm 8,03% tổng đầu tư toàn xã hội của tỉnh. Nhưng xét về mức vốn thì khu vực FDI tăng rất nhanh, nếu như năm 2001 là 32.088.000.000 đồng thì năm 2006 đã là 301.000.000.000 đồng, tăng gấp hơn 9 lần trong vòng 6 năm.

Đóng góp của FDI trong đầu tư xã hội biến động thất thường trong giai đoạn vừa qua: một phần thể hiện diễn biến thất thường của nguồn vốn này; một phần do những thay đổi của các thành phần kinh tế trong nước, nhất là thời gian gần đây từ khi Lâm Đồng thực hiện Chương trình liên kết kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, các doanh nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu quan tâm đầu tư đến địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhiều hơn; còn một lý do nữa là thời gian gần đây nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước cũng được quan tâm đầu tư nhiều hơn cho khu vực Tây Nguyên, trong đó có tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.6. Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Lâm Đồng qua các năm:

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tốc độ tăng GDP (%)	09,4	9,9	-11%	24,17	16,38	19,17	17,4

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Kinh tế Lâm Đồng đã đạt được tốc độ phát triển khá cao trong thời gian vừa qua (hầu hết các năm đều cao hơn mức tăng trưởng của cả nước trừ năm 2002).

Nhất là giai đoạn từ 2003 – 2006 tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm rất cao, GDP tăng bình quân hàng năm giai đoạn này là 19,35%, tăng gấp hơn 2,4 lần so với với tốc độ tăng GDP của cả nước.

Bảng 2.7. Đóng góp của khu vực có vốn FDI trong GDP của tỉnh Lâm Đồng (giá thực tế):

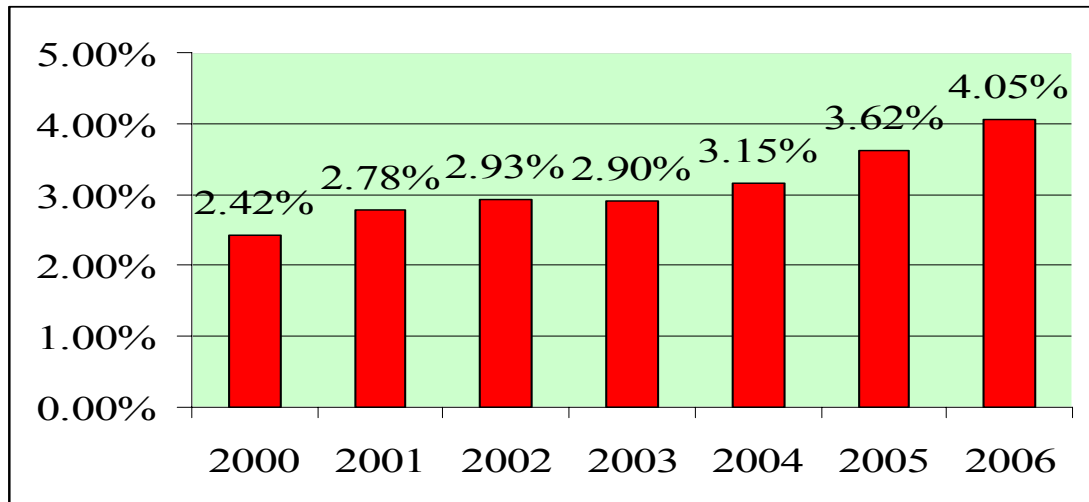
ĐVT: triệu đồng

Năm	GDP	Khu vực FDI	Tỷ trọng
1995	2.277.411	21.706	0,95%
1996	2.490.078	65.611	2,63%
1997	3.091.545	55.901	1,08%
1998	3.351.245	70.544	2,11%
1999	3.133.900	78.364	2,5%
2000	2.931.586	71.003	2,42%
2001	3.127.119	86.837	2,78%
2002	3.672.695	107.527	2,93%
2003	4.362.302	126.506	2,9%
2004	5.527.055	174.499	3,15%
2005	7.253.780	263.007	3,62%
2006	9.234.661	374.391	4,05%

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Sở kế hoạch đầu tư Lâm Đồng)

Mặc dù khu vực có vốn FDI đóng góp vào GDP của địa phương còn rất khiêm tốn (chiếm dưới 5% GDP). Có thể thấy rằng từ năm 1995 đến năm 2006, tỷ trọng của khu vực này trong GDP có xu hướng ngày càng tăng. Năm 2006 khu vực có vốn FDI đóng góp 4,05% vào GDP so với năm 1995 là 0,95% và năm 2000 là 2,42%. Tốc độ tăng giá trị gia tăng của khu vực có vốn FDI luôn cao hơn so với các khu vực kinh tế khác.

Biểu đồ 2.2: Tỷ trọng đóng góp FDI trong GDP giai đoạn 2000-2006



2.3.2. Đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Khu vực có vốn FDI chiếm tỷ trọng thấp trong GDP của tỉnh, mức đóng góp trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương không đáng kể. Cơ cấu vốn FDI của Lâm Đồng hiện đang thay đổi theo chiều hướng ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra của địa phương là tăng tỷ trọng công nghiệp và du lịch - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm nghiệp.

Tính đến quý I năm 2007, các dự án FDI hoạt động chủ yếu ở các ngành nông lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch - dịch vụ. Ngành công nghiệp, du lịch – dịch vụ số dự án đầu tư chiếm 64,28% với tổng vốn đầu tư chiếm 74,04%. Vốn đầu tư lớn nhất vẫn là lĩnh vực du lịch – dịch vụ với 7 dự án đầu tư, chiếm 45,49% tổng số vốn đầu tư. Kế đến là lĩnh vực công nghiệp với 47 dự án chiếm 55,95% tổng số dự án và chiếm 28,55% tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực nông lâm nghiệp với 30 dự án chiếm 35,72% tổng số dự án và chiếm 25,96% tổng vốn đầu tư.

Có thể thấy rằng hầu hết các dự án FDI đều tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp như trồng và chế biến trà, cà phê, nấm, rau, hoa; dệt len, may mặc, chế biến gỗ,... dựa trên lợi thế về khí hậu, đất đai, nguồn nguyên liệu sẵn có và nguồn lao động rẻ tại địa phương. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch – dịch vụ còn rất ít do điều kiện về cơ sở hạ tầng chậm phát triển, còn thiếu và yếu, nhất là lĩnh vực bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, phương tiện vận chuyển chủ yếu là đường bộ, không có cảng biển và đường sắt, đường hàng không thì chưa

phát triển mới chỉ có 02 tuyến bay đến Đà Lạt là Đà Lạt – thành phố Hồ Chí Minh và Đà Lạt – Hà Nội.

Tác động của của khu vực có vốn FDI đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế địa phương là không đáng kể (do tỷ trọng trong GDP quá thấp dưới 5%). Nhưng từ cuối năm 2006 và đầu năm 2007, theo xu thế chung của cả nước kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia đã bắt đầu quan tâm đến Lâm Đồng để tìm kiếm cơ hội tham gia đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, khách sạn, dịch vụ, thủy điện,... Đây là tín hiệu rất tốt, đáng mừng cho tỉnh Lâm Đồng, vấn đề còn lại là chính quyền các cấp tại tỉnh Lâm Đồng cần phải có những động thái hết sức tích cực để nắm lấy thời cơ này.

2.3.3. Đối với sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu:

Bảng 2.8. Tổng kim ngạch xuất khẩu phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2000 – 2006:

ĐVT: USD

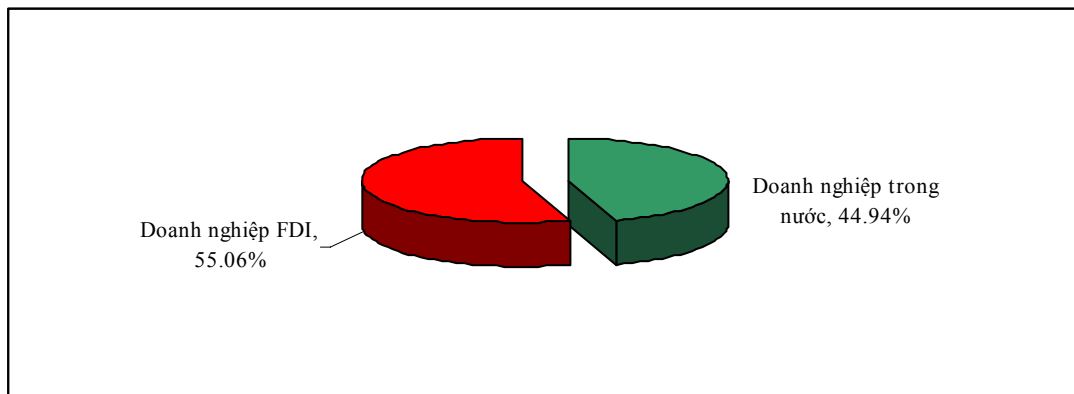
Năm	Tổng giá trị	Doanh nghiệp trong nước		Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
2000	50.310.000	37.780.000	75,09 %	12.530.000	24,91 %
2001	41.910.000	29.510.000	70,41 %	12.370.000	29,59 %
2002	40.760.000	26.430.000	54,84 %	14.330.000	45,16 %
2003	59.100.000	26.860.000	45,44 %	32.240.000	54,56 %
2004	110.590.000	43.150.000	39,02 %	67.440.000	60,98 %
2005	122.900.000	46.800.000	38,98 %	76.100.000	61,02 %
2006	154.010.000	49.900.000	32,40 %	104.110.000	67,60 %
Cộng	579.580.000	260.460.000	44,94 %	319.120.000	55,06 %

(nguồn: Sở Du lịch - Thương mại Lâm Đồng)

Các mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Lâm Đồng chủ yếu là cà phê, tơ tằm, rau, hàng may mặc - dệt len, hoa, trà,... Như trên đã đề cập, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã tạo ra một số sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, đã xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm như: hoa, trà, rau, cà phê... Nhờ đó tỉnh Lâm Đồng đã cải thiện đáng kể kim ngạch xuất khẩu trong giai đoạn 2000 – 2006.

Trong giai đoạn 2000 – 2006, tổng kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn FDI chiếm đến 55,06% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; tỷ trọng này không ngừng tăng qua các năm. Nếu như năm 2000, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn FDI chỉ chiếm 24,91% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh thì năm 2006 con số này là 67,06%. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn FDI cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Về mặt giá trị: năm 2006 kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng gấp 3,06 lần so với năm 2000, trong khi đó khu vực có vốn FDI con số này là gấp 8,3 lần. Qua đây có thể thấy rằng khu vực có vốn FDI đã đóng góp rất tích cực vào tăng trưởng xuất khẩu, tạo nguồn ngoại tệ phục vụ cho nhu cầu phát triển KT – XH của Lâm Đồng và cả nước.

Biểu đồ 2.3: Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của FDI giai đoạn 2000-2006



2.3.4. Đối với giải quyết việc làm và cải thiện nguồn nhân lực:

Tính đến cuối năm 2006, khu vực có vốn FDI tại tỉnh Lâm Đồng đang sử dụng khoảng 7.700 lao động, chiếm 1,25% tổng lao động có việc làm tại địa phương. Có thể thấy rằng khu vực có vốn FDI vẫn chủ yếu sử dụng lao động có trình độ kỹ thuật, chuyên môn tay nghề cao, đây cũng là lý do để giải thích vì sao thu nhập của người lao động trong khu vực này thường cao hơn so với các doanh nghiệp khác trong tỉnh. Lao động trong khu vực này thường xuyên được tiếp cận với công nghệ tiên tiến, hiện đại, có kỷ luật lao động tốt, học hỏi được nhiều phương thức lao động tiên tiến, từ đó góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo ra đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao, công nhân lành nghề có khả năng tiếp thu và sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Năng suất lao động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thường cao hơn mức trung bình của tỉnh. Đồng thời do gián tiếp chịu tác động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nên phương pháp quản lý, điều hành của các doanh nghiệp khác cũng đã có bước thay đổi và tiến bộ rõ nét.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn gián tiếp tạo thêm việc làm cho lao động tham gia trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, sản xuất nguyên vật liệu, các dịch vụ cung ứng, phục vụ,... cho hoạt động của các doanh nghiệp FDI.

2.3.5. Đối với nguồn thu ngân sách Nhà nước của tỉnh Lâm Đồng:

Trong giai đoạn 2000 – 2006 mức đóng góp vào ngân sách Nhà nước của các doanh nghiệp FDI tăng khá nhanh, tốc độ tăng bình quân là 52,16%/năm. Năm 2000 các doanh nghiệp này đóng góp 6.213.000.000 đồng thì năm 2006 mức đóng góp đã tăng lên là 45.177.000.000 đồng (tăng gấp 7,27 lần). Về tỷ trọng trong tổng nguồn thu từ các doanh nghiệp FDI tăng gấp hơn 2 lần trong giai đoạn này.

Tuy nhiên, hiện nay mức đóng góp vào ngân sách Nhà nước của tỉnh Lâm Đồng vẫn chủ yếu là do các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp FDI mức đóng góp còn rất nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp, mức đóng góp cao nhất là vào năm 2006 cũng chỉ chiếm 3,11% trong tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh. Điều này cho thấy việc thu hút FDI để khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh còn rất hạn chế. Bên cạnh đó cũng phải kể đến khó khăn trong công tác quản lý thuế, thực trạng hiện nay là cơ quan thuế không thể kiểm soát tình hình tài chính, nhất là kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực trồng, chế biến trà, hoa, nông sản,... do không kiểm soát được đầu ra của sản phẩm.

Bảng 2.9. Đóng góp vào ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp FDI.

ĐVT: triệu đồng

Năm	Tổng thu NSNN	Thu từ doanh nghiệp FDI		
		Tổng thu	Tỷ trọng	Tốc độ tăng
2000	405.906	6.213	1,53%	—————
2001	415.177	6.087	1,47%	- 02,03%
2002	503.750	7.355	1,46%	20,83 %
2003	644.586	15.819	2,45%	115 %
2004	941.785	24.148	2,56%	52,65%
2005	1.167.346	30.060	2,58%	24,48%
2006	1.453.470	45.177	3,11%	50,28%

(nguồn: Cục thống kê Lâm Đồng và Cục thuế Lâm Đồng)

2.3.6. Đối với môi trường đầu tư của địa phương:

FDI, bên cạnh những tác động tích cực về mặt kinh tế còn có những đóng góp trong việc chuyển đổi cơ chế quản lý, cải cách thủ tục hành chính, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kích thích các ngành dịch vụ phục vụ cho hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ở Lâm Đồng phát triển. Thực tế cho thấy để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian qua, chính quyền tỉnh Lâm Đồng đã không ngừng thực hiện việc cải thiện môi trường đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài như thực hiện cơ chế “một cửa” trong giải quyết hồ sơ thủ tục cho các nhà đầu tư, tổ chức tiếp các nhà đầu tư theo định kỳ (đồng thời sẵn sàng tiếp các nhà đầu tư vào bất kỳ thời gian nào khi có yêu cầu), nhằm giúp đỡ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư v.v... đây là một bước chuyển rất tốt, tạo ra sự đổi mới về tư duy, nhận thức cho một bộ phận đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước làm công tác này. Từ đó làm cho công tác quản lý hành chính Nhà nước trở nên linh hoạt hơn và hướng đến phục vụ tốt hơn cho các nhà đầu tư.

Ngoài ra, hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI còn góp phần mở rộng thị trường, từng bước liên kết sản xuất trong nước với khu vực và thế giới, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đồng thời các doanh nghiệp FDI cũng đã tham gia đóng góp ngày càng nhiều vào thực hiện các chương trình, chính sách xã hội tại địa phương như công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, hỗ trợ, tài trợ các chương trình phúc lợi xã hội, văn hoá thể thao,...

2.4. Đánh giá thực trạng thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng:

Qua phân tích tình hình thu hút FDI và tác động của các dự án FDI đến tình hình phát triển KT – XH của tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua, có thể nhận thấy rằng:

2.4.1. FDI chưa tạo được động lực cho nền kinh tế Lâm Đồng phát triển nhanh, bền vững:

Mặc dù tỉnh Lâm Đồng là tỉnh đứng đầu (cả về số lượng dự án và mức vốn đầu tư) trong thu hút FDI của khu vực Tây Nguyên nhưng vẫn còn thấp nhiều so với các tỉnh lân cận trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như Đồng Nai, Bình

Dương... Số lượng dự án đầu tư vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, quy mô vốn đầu tư nhỏ từ 500.000 USD đến 2.500.000 USD. Các nhà đầu tư vào Lâm Đồng chủ yếu là các nhà đầu tư riêng lẻ, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư từ các tập đoàn kinh tế lớn, công ty đa quốc gia có năng lực tài chính và công nghệ hiện đại quan tâm đầu tư vào Lâm Đồng. Mức đóng góp của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào quá trình tăng trưởng, phát triển KT - XH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực (tăng tỷ trọng du lịch – dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng nông lâm nghiệp) của địa phương còn rất thấp (năm 2006 tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI trong: GDP chỉ là 4,05%; tổng đầu tư toàn xã hội chỉ là 6%; thu nộp ngân sách chỉ chiếm 3,11% trong tổng thu ngân sách nhà nước tại địa phương; số lao động chỉ chiếm 1,25% tổng lao động có việc làm tại địa phương;...). Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong khu vực này còn thấp, thậm chí có dự án đầu tư thua lỗ kéo dài chậm được khắc phục trong nhiều năm.

Từ đó có thể thấy rằng, khu vực có vốn FDI chưa thực sự đóng góp nhiều vào tiến trình thực hiện công cuộc CNH - HĐH và nâng cao khả năng cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

2.4.2. Còn nhiều bất cập trong cơ cấu đầu tư:

Mặc dù vấn đề thu hút đầu tư đã được quan tâm rất nhiều trong thời gian gần đây, nhưng Lâm Đồng vẫn chưa có một chiến lược và cơ chế chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc, định hướng phân vùng, ngành nghề thật cụ thể trong kêu gọi thu hút đầu tư nhằm đảm bảo tính hiệu quả bền vững cho quá trình phát triển KT - XH của địa phương. Chưa thật sự chủ động trong tiếp xúc, kêu gọi và định hướng cho các nhà đầu tư nhất là vấn đề chuẩn bị địa điểm, đất đai,... cho nên dẫn đến tình trạng có bất cứ nhà đầu tư nào xin cũng cho phép đầu tư mà chưa chú trọng đến thu hút những dự án lớn, đầu tư lâu dài, khai thác điều kiện sẵn có của địa phương một cách hiệu quả nhất để làm đòn bẩy thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương. Cơ cấu thu hút FDI thời gian qua là không cân đối so với yêu cầu. Các ngành được xác định là có nhiều tiềm năng, thế mạnh của địa phương như du lịch,

công nghiệp khai khoáng, thủy điện, FDI vào đây còn quá ít (chỉ có lĩnh vực khách sạn - du lịch thu hút được 3 dự án, công nghiệp khai khoáng, thủy điện chưa thu hút được các nhà đầu tư).

FDI vào tỉnh Lâm Đồng phân bố không đồng đều giữa các vùng, địa phương trong tỉnh, tập trung nhiều vào các địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn những vùng có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, điều kiện đất đai, khí hậu như thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc, huyện Đơn Dương, Đức Trọng,... các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa hầu như chưa được các nhà đầu tư tư nước ngoài quan tâm khảo sát, tiềm kiếm cơ hội đầu tư. Cả tỉnh còn 3 huyện chưa thu hút được đầu tư nước ngoài, gồm các huyện Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đam Rông.

2.4.3. Hiệu quả hoạt động và kết quả thực hiện đầu tư của các dự án còn thấp:

Theo báo cáo của Cục thuế Lâm Đồng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khu vực có vốn FDI, trong năm 2006 chỉ có 10 dự án FDI đang hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Có thể do nhiều nguyên nhân như do yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do môi trường đầu tư không thuận lợi,... nhưng cũng có một nguyên nhân là do doanh nghiệp cố tình hạch toán lỗ hoặc không lãi (do kê khai giảm giá đầu ra, kê khai tăng giá trị đầu vào như giá trị máy móc thiết bị, nguyên vật liệu nhập khẩu,...). Việc không quản lý được kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp đã dẫn đến hiện tượng trốn thuế gây thất thu ngân sách, tạo ra sự bất bình đẳng trong hoạt động giữa các doanh nghiệp.

Các dự án đầu tư không có khả năng triển khai thực hiện phải thu hồi giấy phép, giải thể, sáp nhập chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng vốn đầu tư đăng ký vào Lâm Đồng. Tính đến hết quý I năm 2007 đã thu hồi giấy phép, giải thể, sáp nhập 19 dự án trên tổng số 104 dự án, với mức vốn chiếm 70,06% trên tổng FDI đăng ký đầu tư vào Lâm Đồng.

2.4.4. Những ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội:

- Ở Lâm Đồng, các doanh nghiệp có vốn FDI đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư. Tuy nhiên nó cũng tạo ra khoảng cách chênh lệch về thu nhập trong các tầng lớp dân cư, gây ra mâu thuẫn

xã hội trong quan hệ chủ - thợ, tranh chấp hợp đồng lao động, tình trạng ngược đãi công nhân, vi phạm nhân phẩm người lao động cũng đã xảy ra. Thậm chí có nơi đã xảy ra hiện tượng tranh chấp dẫn đến các cuộc đình công của những người lao động.

- Vấn đề môi trường trong thời gian qua cũng được chính quyền tỉnh Lâm Đồng chú ý, tác hại cho môi trường do khu vực FDI gây ra là chưa nhiều. Tuy nhiên, cũng cần phải cảnh báo rằng, hiện nay phần lớn các doanh nghiệp khu vực này, trong hoạt động đều có phát sinh nước thải sản xuất ra nhưng chỉ trang bị hệ thống xử lý nước thải cục bộ, mang tính tự nhiên là phổ biến, vì vậy hiệu quả xử lý đạt tiêu chuẩn để cho ra môi trường không cao. Nguyên nhân là do một số doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đúng mức đến yếu tố môi trường vì muốn tiết kiệm chi phí, nên chỉ thực hiện mang tính đối phó; đồng thời cũng còn nguyên nhân là do cơ quan quản lý hành chính Nhà nước còn buông lỏng trong công tác quản lý, thiếu đôn đốc, kiểm tra nhắc nhở các doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường và xử lý nghiêm minh các doanh nghiệp gây ô nhiễm. Từ các vấn đề trên cho thấy, nếu không có biện pháp chấn chỉnh ngay từ bây giờ thì tình trạng ô nhiễm môi trường, nguồn nước trong thời gian tới sẽ không được cải thiện, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và đời sống của người dân.

2.5. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng:

2.5.1. Những khó khăn, bất lợi:

- Mặc dù các năm qua kinh tế Lâm Đồng không ngừng tăng trưởng, phát triển với tốc độ cao nhưng vẫn chưa thật sự ổn định và bền vững, đến nay Lâm Đồng vẫn là tỉnh nghèo, chậm phát triển. Trình độ, chất lượng phát triển và xuất phát điểm của nền kinh tế địa phương còn thấp so các tỉnh, thành trong khu vực phía Nam. Năng lực cạnh tranh, năng suất chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Khả năng tích lũy của nền kinh tế ở mức thấp, không đáng kể so với yêu cầu phát triển. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Lâm Đồng thấp hơn mức bình quân của cả nước và thấp hơn nhiều so với các tỉnh, thành trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Cơ cấu kinh tế của tỉnh Lâm Đồng chuyển dịch còn chậm và chưa đồng đều, chưa phát huy tốt thế mạnh trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm, cơ cấu dịch vụ chưa có sự chuyển dịch đáng kể, ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong GDP. Các ngành kinh tế được xác định là mũi nhọn làm động lực để thúc đẩy các ngành kinh tế khác và cả nền kinh tế phát triển như du lịch – dịch vụ, công nghiệp chế biến, khai thác khoáng sản vẫn chưa phát triển. Việc khai thác thu hút vốn đầu tư nhất là nguồn vốn FDI chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Chưa tạo ra được môi trường đầu tư thật sự thông thoáng và thân thiện cho các nhà đầu tư. Chưa tạo ra đột biến về chất trong thu hút các dự án đầu tư nhằm tạo bước đột phá, tăng tốc trong phát triển KT - XH sớm đưa Lâm Đồng thoát ra khỏi tình trạng nghèo, chậm phát triển.

- Cơ sở hạ tầng còn chậm phát triển, còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế địa phương, nhất là lĩnh vực bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, phương tiện vận chuyển chủ yếu là đường bộ, không có cảng biển, đường sắt. Từ đó dẫn đến chi phí vận chuyển hàng hoá đến các cảng biển để xuất khẩu hàng hoá còn cao so với các địa phương khác. Nguồn cung ứng lao động của địa phương khá dồi dào nhưng chất lượng lao động còn thấp. Lực lượng lao động không đồng đều, vừa thừa nhưng lại vừa thiếu so với yêu cầu tuyển dụng của các nhà đầu tư, nhất là lực lượng lao động đã qua đào tạo có tay nghề cao, lao động cao cấp, các chuyên gia giỏi.

2.5.2. Nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế:

- Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực Đông Nam Á trong cuối thập kỷ 90 đã ảnh hưởng đến tình hình thu hút FDI của cả nước, trong đó có Lâm Đồng. Các nước bị khủng hoảng tài chính đã áp dụng các biện pháp thắt chặt tiền tệ, giảm thiểu việc đầu tư ra nước ngoài. Đồng tiền các nước bị mất giá đã hướng dòng đầu tư ra nước ngoài thành đầu tư trong nước có lợi hơn vì giá thành rẻ hơn. Nhiều nhà đầu tư các nước bị lâm vào cảnh phá sản hoặc phải tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh, đã giảm năng lực, thậm chí không còn đủ khả năng đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể là tỉnh Lâm Đồng có dự án đầu tư Khu nghỉ mát Đà Lạt – Đan Kia với tổng vốn đầu tư 706 triệu USD, do việc giải quyết cấp phép đầu tư của Việt Nam

cho dự án này quá chậm (kể từ khi tiến hành khảo sát, lập thủ tục đầu tư hơn 4 năm sau mới được cấp phép) nên khi được cấp giấy phép đầu tư vào năm 1998 thì nhà đầu tư không còn đủ khả năng tài chính tiếp tục để triển khai dự án, dẫn đến phải gia hạn thời gian và cuối phải thu hồi giấy phép đầu tư. Từ điều này cho thấy, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, thì thời cơ là rất quan trọng, nếu chúng ta không nắm bắt được thời cơ thì sẽ khó thành công.

- Cơ sở hạ tầng tại tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được theo yêu cầu của các nhà đầu tư. Hiện nhu cầu vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng rất lớn, nhất là mạng lưới giao thông đường bộ trong tỉnh và các tuyến giao thông nối Lâm Đồng với các tỉnh, thành trong khu vực; đặc biệt là tuyến đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt. Nhưng hàng năm nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu này còn rất hạn chế, điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng mời gọi, thu hút đầu tư vào Lâm Đồng.

- Mặc dù Luật du lịch đã được nhà nước ban hành, trong đó xác định các loại hình như Khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia,... nhưng về cơ chế, chính sách, các ưu đãi đầu tư và các biện pháp hỗ trợ đầu tư như đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế để khuyến khích và đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các nơi này chưa được nhà nước quan tâm đúng mức. Vì vậy, tình hình thu hút đầu tư, nhất là FDI vào khu vực này gặp nhiều khó khăn, lúng túng cần phải có biện pháp giải quyết ở tầm vĩ mô.

Đối với các Vườn Quốc gia là nơi còn lưu giữ và bảo tồn nhiều loài động, thực vật quý hiếm, hiện còn tồn tại các hệ sinh thái rừng,... rất có giá trị đối với Việt Nam và thế giới. Công tác quản lý, bảo tồn và duy trì được quan tâm rất nghiêm ngặt. Đây là nơi có rất nhiều lợi thế, tiềm năng để khai thác phục vụ hoạt động du lịch nhưng hiện chưa có các quy định, cơ chế chính sách để thu hút đầu tư vào khu vực này nhằm khai thác tài nguyên đảm bảo hài hoà giữa mục tiêu duy trì, bảo tồn, phát triển và khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch một cách hiệu quả và hợp lý nhất.

- Đến nay tỉnh Lâm Đồng vẫn chưa có một chiến lược và cơ chế chính sách thu hút FDI một cách có chọn lọc, định hướng phân vùng, ngành nghề thật cụ thể

trong kêu gọi thu hút đầu tư nhằm đảm bảo tính hiệu quả bền vững cho quá trình phát triển kinh tế địa phương. Chưa thật sự chủ động trong tiếp xúc, kêu gọi và định hướng cho các nhà đầu tư nhất là vấn đề chuẩn bị địa điểm, đất đai,... chưa chú trọng đến thu hút những dự án lớn, đầu tư lâu dài, khai thác điều kiện sẵn có của địa phương một cách hiệu quả nhất để làm đòn bẩy thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương.

- Là tỉnh nằm ở khu vực Nam Tây Nguyên, nhưng lại giáp ranh, ở ngay sát với khu vực Đông Nam bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với trung tâm là thành phố Hồ Chí Minh- được xác định là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước hiện nay, nhưng trong một thời gian dài vừa qua, Lâm Đồng chưa có sự quan tâm đúng mức đến mối quan hệ liên kết kinh tế vùng với khu vực này. Từ đó đã ảnh hưởng phần nào đến quá trình thu hút đầu tư, phát triển KT - XH của địa phương mình.

- Công tác Quy hoạch phát triển KT - XH chưa thật sự phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và chưa dự báo được xu thế phát triển chung của cả nước và khu vực, vì vậy chưa đưa ra được những giải pháp khả thi mang tính chiến lược lâu dài. Trong xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện thu hút đầu tư thì tính khả thi không cao, chỉ dừng lại ở các nội dung ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ “cấp phép” dự án đầu tư mà chưa đi sâu vào các biện pháp nhằm hỗ trợ một cách tích cực cho nhà đầu tư (từ khâu khảo sát tiềm năng địa điểm, lập dự án đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy hoạch mặt bằng, xây dựng công trình,... cho đến suốt quá trình hoạt động của nhà đầu tư). Đối với Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch xây dựng thời gian qua đã được chú trọng rất nhiều nhưng chất lượng, tính khả thi còn thấp, việc quản lý, giám sát để triển khai thực hiện đầu tư theo quy hoạch còn rất lúng túng, không nhất quán dễ dẫn đến tình trạng đầu tư manh mún, kéo dài.

- Tư duy trong tiếp cận, xúc tiến vận động thu hút đầu tư chậm được đổi mới: công tác tiếp thị, xúc tiến kêu gọi đầu tư thời gian gần đây đã được chú ý nhưng hiệu quả mang lại còn thấp. Chưa chủ động tiếp cận mời gọi đầu tư từ các

tập đoàn, công ty đa quốc gia có tiềm lực tài chính, công nghệ hiện đại đến đầu tư làm ăn lâu dài tại Lâm Đồng.

- Thủ tục hành chính: các thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ xin đầu tư, thuê đất, cấp phép xây dựng,... cho các nhà đầu tư đã được sửa đổi, cải tiến theo tinh thần “một cửa” nhưng đi vào thực tế trong quản lý, điều hành công việc cụ thể thì vẫn còn không ít khó khăn, vướng mắc. Nhất là thủ tục về đất đai, xây dựng, công tác đền bù giải phóng mặt bằng giao đất cho nhà đầu tư còn tốn nhiều thời gian, nhiều khó khăn gây chậm trễ trong việc triển khai dự án. Điều này cũng phần nào gây ảnh hưởng đến công tác kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh Lâm Đồng thời gian qua. Năng lực làm việc của một bộ phận cán bộ quản lý nhà nước tại địa phương còn hạn chế: mặc dù thái độ đón tiếp các nhà đầu tư đã được cải thiện, khá cầu thị trong thời gian gần đây nhưng vẫn còn hạn chế về kỹ năng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập,...

- Ngoài ra vấn đề cung ứng lao động cho khu vực FDI cũng là vấn đề đáng quan tâm. Việc nguồn cung lao động không đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư điều này cũng ảnh hưởng, gây trở ngại cho công tác kêu gọi xúc tiến thu hút FDI vào Lâm Đồng.

Kết luận chương 2: Từ các phân tích nêu trên cho thấy, FDI trong thời gian qua tại Lâm Đồng đã có bước tiến đáng kể, hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI đã có đóng góp nhất định vào quá trình tăng trưởng và phát triển KT - XH của địa phương. Xu hướng và khả năng đóng góp của khu vực FDI sẽ ngày càng tăng trong thời gian tới. Vấn đề còn lại là để biến xu hướng và khả năng này trở thành hiện thực thì cần phải có những giải pháp thật phù hợp để tận dụng khai thác tốt các yếu tố tích cực, nắm bắt cơ hội kịp thời và khắc phục những khó khăn, tồn tại một cách hiệu quả.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2007 – 2015

3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007 -2015:

3.1.1. Quan điểm, định hướng về thu hút FDI:

- Cần xác định FDI là một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy KT - XH phát triển; có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nguồn vốn ban đầu để phát triển kinh tế, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn; là đòn bẩy tạo hiệu ứng kinh tế đối với nguồn vốn trong nước.

- Phải nhất quán quan điểm phát triển dựa trên cả nguồn lực bên trong và bên ngoài. Phải xác định nội lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển và ngoại lực là yếu tố có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Vì vậy, bằng mọi cách thu hút nguồn lực bên ngoài trên cơ sở khai thác tối đa, có hiệu quả nguồn nội lực để đẩy mạnh công cuộc đổi mới phát triển KT - XH theo hướng CNH - HĐH.

- Thu hút FDI phải trên cơ sở đảm bảo hoạt động, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Tất cả các thành phần kinh tế đều phải được coi trọng và đối xử như nhau. Đồng thời phải đảm bảo mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận hợp pháp của nhà đầu tư.

- Thu hút và sử dụng FDI tại Lâm Đồng phải phù hợp với chiến lược phát triển KT - XH chung của cả nước; đảm bảo cho mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực là tăng tỷ trọng các ngành du lịch – dịch vụ, công nghiệp – xây dựng và giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp. Phải khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, thế mạnh và nguồn lực của địa phương khi đưa vào đầu tư để phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng và phát triển.

- Quá trình thu hút, sử dụng vốn FDI phải được thực hiện song song với việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc. Gắn thu hút FDI để

tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng; thu hút đầu tư để phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội tại địa phương phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

3.1.2. Mục tiêu về thu hút FDI:

- Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển chiều sâu.

- Việc huy động, thu hút FDI phải nhằm tạo nguồn thu ngoại tệ, tạo tích lũy cho ngân sách Nhà nước, sử dụng nguồn nguyên liệu tại địa phương để tạo nguồn hàng xuất khẩu thâm nhập vào thị trường khu vực và quốc tế. FDI phải đạt được sự chuyển giao công nghệ hiện đại, phương pháp và kỹ năng quản lý tiên tiến trên thế giới phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh Lâm Đồng, vùng Tây Nguyên và cả nước. FDI phải tạo ra được môi trường kinh doanh năng động, hiệu quả, tạo thêm nhiều việc làm và quan trọng hơn nữa là phải góp phần khai thác và sử dụng một cách hiệu quả nhất các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của địa phương phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH – HĐH nền kinh tế, hình thành một cơ cấu kinh tế hiện đại (công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp), hình thành một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại.

Tóm lại việc huy động, thu hút FDI của tỉnh Lâm Đồng cần phải đáp ứng được yêu cầu là góp phần tăng trưởng và phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng theo hướng tăng tốc, đột phá sớm đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, chậm phát triển.

Trong giai đoạn 2006 – 2015, mục tiêu phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 13 – 14%.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: tỷ trọng nông lâm nghiệp 31%, du lịch – dịch vụ 40%, công nghiệp – xây dựng 29%.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 14 – 16 %

Để đạt được mục tiêu trên, thì tổng đầu tư toàn xã hội giai đoạn này phải tăng từ 6,4 đến 6,6 lần so với thời kỳ 2001 - 2005 (tức là cần huy động khoảng từ 60.000 tỷ đồng đến 62.792 tỷ đồng). Như vậy có thể thấy rằng, nhu cầu vốn cho đầu tư của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn này tăng rất nhiều so với thời kỳ trước. Trong đó đòi hỏi tất yếu là tốc độ huy động FDI phải tăng cao hơn mức tăng tổng đầu tư toàn xã hội.

3.2. Giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI tại tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007 -2015:

3.2.1. Dự báo cơ hội, thách thức của tỉnh Lâm Đồng trong thu hút FDI thời gian tới:

3.2.1.1. Cơ hội:

- Xu thế hội nhập quốc tế về kinh tế đang phát triển mạnh mẽ tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cho các công ty đa quốc gia cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung khai thác các lợi thế so sánh của các quốc gia, các vùng, khu vực trên thế giới để tối đa hoá lợi nhuận.

- Khoa học - kỹ thuật - công nghệ ngày càng phát triển vượt bậc, nhất là lĩnh vực công nghệ thông tin tạo thời cơ cho các quốc gia hội nhập thế giới, tham gia vào quá trình phân công lao động thế giới ngày càng nhanh hơn.

- Nước ta vừa được kết nạp làm thành viên WTO, đây là thời cơ rất tốt để chúng ta mở rộng hợp tác kinh tế với thế giới và tăng cường, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời sự ổn định về chính trị của nước ta cũng tạo lợi thế rất tốt để các nhà đầu tư an tâm, tin tưởng tham gia bỏ vốn đầu tư vào Việt Nam.

- Cùng với công cuộc đổi mới đất nước để đảm bảo cho quá trình phát triển không bị mất cân đối giữa các vùng miền, nhất là đối với các khu vực còn nhiều khó khăn như Tây Nguyên (trong đó có tỉnh Lâm Đồng), trong định hướng đầu tư phát triển, Chính phủ sẽ tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhiều hơn nữa đối với khu vực này về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng,... Điều này sẽ giúp cho tỉnh Lâm Đồng có điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh hơn nguồn vốn FDI phục vụ cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

- Trong thực hiện lộ trình cam kết gia nhập WTO, nước ta sẽ phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp nhất là các quy định về đầu tư theo hướng thông thoáng, công khai, minh bạch hơn; đồng thời trung ương cũng sẽ đẩy mạnh phân cấp quản lý về cho các địa phương. Điều này sẽ giúp cho các địa phương (trong đó có tỉnh Lâm Đồng) có điều kiện thuận lợi và chủ động hơn trong quá trình vận động thu hút FDI.

3.2.1.2. Thách thức:

- Cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng trở nên gay gắt và quyết liệt hơn. Các quốc gia trong khu vực châu Á, nhất là các nước có điều kiện địa lý, khí hậu, văn hoá,... tương đồng với Việt Nam cũng có nhu cầu thu hút vốn đầu tư rất lớn, trong đó có quốc gia láng giềng với chúng ta là Trung Quốc.

- Việc nước ta gia nhập WTO cũng là một thách thức rất lớn đối với nền kinh tế, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, hành hoá dịch vụ diễn ra gay gắt hơn. Các chính sách bảo hộ đối với hàng hoá sản xuất trong nước phải được dỡ bỏ dần,... Tất cả các vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư nước ngoài của chúng ta.

- Trong điều kiện hội nhập hiện nay, cạnh tranh sẽ ngày càng trở nên gay gắt, tuy nhiên trình độ phát triển của nền kinh tế tỉnh Lâm Đồng vẫn còn thấp, phát triển chưa thực sự vững chắc, tích lũy nội bộ chưa nhiều, kết cấu hạ tầng KT – XH chưa đồng bộ và hoàn chỉnh, trong khi khả năng đầu tư từ ngân sách Nhà nước còn rất hạn chế. Trình độ công nghệ, trang thiết bị trong các ngành, các thành phần kinh tế của tỉnh Lâm Đồng nhìn chung còn lạc hậu; quy mô các doanh nghiệp còn nhỏ, khả năng cạnh tranh yếu. Cơ cấu đất đai, dân số của tỉnh Lâm Đồng không hợp lý, còn sự chênh lệch khá lớn về mọi mặt giữa các vùng. Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Kiến thức, năng lực đội ngũ cán bộ hạn chế so với yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nhất là tư duy kinh tế và năng lực tổ chức thực hiện.

3.2.2. Các giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI ở tỉnh Lâm Đồng:

3.2.2.1. Đối với Nhà nước:

3.2.2.1.1. Cần tiếp tục đổi mới tư duy trong cách tiếp cận và xây dựng chính sách thu hút FDI:

Nước ta đã gia nhập WTO, việc thực thi lộ trình các cam kết về hội nhập và điều chỉnh luật lệ cho phù hợp với quy định và nguyên tắc của WTO sẽ ảnh hưởng tích cực đến thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Vì vậy, trong tư duy tiếp cận và xây dựng chính sách thu hút FDI cần phải tính đến bối cảnh toàn cầu hoá và phải dựa trên cơ sở xác định rõ các mục tiêu trung và dài hạn để có những giải pháp mang tính kết hợp và có tính chuyển tiếp, hỗ trợ nhau. Trước mắt, vẫn tiếp tục thu hút FDI về chiều rộng, nhưng về lâu dài, cần chuẩn bị để tiến tới thu hút FDI qua lợi thế về nhân lực, hạ tầng cơ sở, công nghệ và chi phí giao dịch.

Tiếp tục mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài và ở trong nước, tạo môi trường cho trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giữa các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các cơ quan liên quan. Cần tăng cường gặp gỡ đối thoại trực tiếp giữa các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước với các nhà đầu tư để trao đổi tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của các nhà đầu tư.

3.2.2.1.2. Hoàn thiện, cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi để doanh nghiệp phát triển:

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã gia nhập WTO, thì áp lực cạnh tranh sẽ không giảm mà còn có thể gia tăng. Thật vậy, việc đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư mục đích chính là lợi nhuận. Vì vậy, nơi nào có điều kiện thuận lợi hơn, hấp dẫn hơn, chi phí đầu tư và kinh doanh thấp hơn, làm cho lợi nhuận qua đầu tư thu được cao hơn, sẽ thu hút FDI được nhiều hơn. Mặc dù môi trường đầu tư của chúng ta đã có bước cải thiện đáng kể, nhưng so với yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập, nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực, nhất là Trung Quốc trong thu hút nguồn vốn FDI thì môi trường đầu tư của Việt Nam cần phải được tiếp tục cải thiện nhiều hơn nữa. Đây là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết, để thực hiện cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Tiếp tục bảo đảm sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động và phát triển

theo cơ chế thị trường; thu hẹp tối đa lĩnh vực độc quyền kinh doanh của Nhà nước; xoá bỏ đặc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; nhanh chóng thực hiện có hiệu quả để xoá bỏ phân biệt đối xử, tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhằm giảm thiểu rủi ro do thay đổi chính sách, do bất ổn chính sách vĩ mô, do không đảm bảo quyền sở hữu, do tính thực thi hợp đồng kém,... triển khai thực hiện Luật cạnh tranh một cách đồng bộ và có hiệu quả, thực hiện chính sách cạnh tranh thay cho chính sách bảo hộ trước đây.

- Các nhà đầu tư nước ngoài thường đến các nước có nền kinh tế thị trường và thị trường các yếu tố sản xuất vận hành khá hiệu quả. Tức là, khả năng tiếp cận các nhân tố sản xuất là dễ dàng và có thể sử dụng linh hoạt xét về phạm vi giá cả, không gian và thời gian. Nếu thị trường này kém phát triển thì một yếu điểm lớn là sẽ đẩy chi phí sản xuất lên cao và giảm cơ hội tận dụng thời cơ trong kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, cần nhanh chóng hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất như: thị trường lao động, thị trường công nghệ, thị trường bất động sản, thị trường vốn. Việc tạo môi trường cho chuyển giao công nghệ và tạo sự ổn định cho kinh doanh lâu dài của các nhà đầu tư nước ngoài cũng là mục tiêu của cải thiện môi trường đầu tư.

- Thực hiện nhanh hơn công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch chuyển từ tư duy mệnh lệnh hành chính sang tư duy hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động của các doanh nghiệp nhằm tăng cường thu hút đầu tư, phát triển KT – XH. Thực hiện tích cực các giải pháp nhằm đơn giản hoá các thủ tục hành chính, khắc phục tình trạng hình sự hoá trong xử lý các vi phạm kinh tế. Đồng thời cần đẩy mạnh công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước từ trung ương đến địa phương theo hướng gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.

3.2.2.1.3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và đầy đủ:

Trong quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế và thu hút đầu tư, thì một nội dung quan trọng của môi trường đầu tư là môi trường luật pháp. Mục tiêu cần đạt đến là phải không ngừng hoàn thiện luật pháp nhằm đảm bảo cho các nhà đầu tư nước

ngoài (trực tiếp và gián tiếp) đều an tâm bỏ vốn ra đầu tư. Muốn đảm bảo việc thực thi pháp luật một cách hiệu quả thì việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật cần phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và đầy đủ. Sớm khắc phục tình trạng các quy định chồng chéo nhau, quy định không rõ ràng, luật ban hành rồi nhưng chưa thực hiện được vì phải chờ văn bản hướng dẫn hoặc có quá nhiều văn bản hướng dẫn và hay thay đổi dẫn đến rất khó tham chiếu.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư theo hướng áp dụng thống nhất, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư nước ngoài với các nhà đầu tư trong nước, giữa các nhà đầu tư trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Trong đó chú trọng chính sách về đất đai, thuế, giá, mức lương tối thiểu. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Cần tiếp tục rà soát các giấy phép kinh doanh hiện hành và điều kiện kinh doanh đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện để điều chỉnh sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

3.2.2.1.4. Hoàn thiện chính sách về tài chính, ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Về chính sách tài chính đối với phần kinh phí chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giao mặt bằng cho các dự án FDI: trước đây theo quy định của “Nghị định số 22/1998/ND-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng” thì đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư đều phải chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất. Tuy nhiên, hiện nay chính sách này đã có thay đổi, theo quy định của “Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” thì đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam khi được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư không phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư. Như vậy, bắt đầu từ năm 2005, về chính sách đất đai đối với các dự án FDI đã có sự thay đổi là

việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư do Nhà nước Việt Nam thực hiện. Có thể thấy rằng, đây là chính sách lớn, rất quan trọng có tác động rất tích cực, làm giảm chi phí đầu tư ban đầu của các dự án FDI từ đó làm tăng tính cạnh tranh, tạo môi trường, điều kiện đầu tư hấp dẫn hơn trong thu hút nguồn vốn FDI. Tuy nhiên, để chính sách này có thể đi vào thực hiện một cách hiệu quả thì Chính phủ phải có một cơ chế, chính sách về tài chính phù hợp để hỗ trợ giúp cho các địa phương có nguồn vốn trang trải cho các khoản chi này. Nhất là đối với các tỉnh quy mô ngân sách hàng năm còn nhỏ bé như Lâm Đồng thì sẽ rất khó khăn trong thực hiện, không có đủ khả năng để cân đối cho các dự án FDI có mức chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư lớn lên đến hàng chục, hàng trăm tỷ đồng như dự án khu du lịch hồ Tuyên Lâm, khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng,...

- Về chính sách phát triển du lịch đã được xác định trong Luật du lịch: Nhà nước sẽ có cơ chế chính sách huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển du lịch để đảm bảo ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với tổ chức cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Đến nay, Chính phủ vẫn chưa có một cơ chế, chính sách riêng nào nhằm đẩy nhanh thu hút đầu tư trong đó có đầu tư FDI phát triển ngành du lịch, nhất là cơ chế khuyến khích, ưu đãi đầu tư xây dựng các khu du lịch quốc gia (chỉ xác định dự án đầu tư xây dựng khu du lịch quốc gia xác định trong danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư). Tuy nhiên, để có thể đẩy nhanh thu hút đầu tư và khai thác các khu du lịch quốc gia là nơi có nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút lượng khách du lịch cao thì cần phải có cơ chế, chính sách đặc thù riêng về khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng, bồi thường giải phóng mặt bằng,... đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển, khai thác nguồn tài nguyên này. Đây cũng là bài học kinh nghiệm rút ra từ hoạt động thu hút FDI của Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á đối với mô hình các đặc khu kinh tế với nhiều

chính sách ưu đãi về thuế, quyền sử dụng đất, lao động,... để thu hút đầu FDI làm động lực phát triển nền kinh tế.

Đối với các Vườn Quốc gia là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, đa dạng, còn lưu giữ và bảo tồn nhiều loài động, thực vật quý hiếm, các hệ sinh thái rừng,... có thể khai thác phục vụ rất tốt cho hoạt động du lịch. Chính phủ cần có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phù hợp khai thác tiềm năng thế mạnh này phục vụ mục đích du lịch góp phần phát triển KT - XH.

- Việc đầu tư nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng (nhất là về giao thông) phục vụ cho thu hút đầu tư, phát triển KT - XH là vấn đề rất cấp bách cần được quan tâm nhiều hơn trong thời gian tới nhất là đối với những vùng còn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa như khu vực Tây Nguyên. Bên cạnh việc huy động và tập trung nguồn lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính lớn, các hành lang và vành đai kinh tế, Nhà nước cần chú trọng nhiều hơn nữa trong hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhanh hơn cho các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt là vùng Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc, biên giới, hải đảo,... để từng bước thu hẹp dần trình độ phát các triển và mức sống giữa các vùng trên cả nước.

3.2.2.2. Đối với tỉnh Lâm Đồng:

Tỉnh Lâm Đồng với những tiềm năng thế mạnh của mình và các khó khăn, bất lợi về điều kiện tự nhiên và xã hội, nếu có những giải pháp thích hợp để khai thác, phát huy tốt các lợi thế sẽ góp phần đáng kể trong việc đẩy mạnh hoạt động thu hút FDI tại địa phương trong thời gian tới, xin đề xuất một số giải pháp:

3.2.2.2.1. Trong công tác quy hoạch, phát triển cơ sở hạ tầng:

- Sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, vị thế và xu hướng quan hệ hợp tác kinh tế của nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới đã thay đổi theo chiều hướng thuận lợi hơn. Trong bối cảnh chung, để đảm bảo cho công tác dự báo, định hướng phát triển sát hợp với tình hình thực tế hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện có tính khả thi, cần khẩn trương rà soát để điều chỉnh lại Quy hoạch tổng thể định hướng phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 theo tinh thần đột phá, tăng tốc nhằm khai thác triệt để, có hiệu quả nhất các lợi thế,

tiềm năng, thế mạnh và hạn chế những khó khăn bất lợi của địa phương phục vụ mục tiêu tăng trưởng, phát triển.

Trên cơ sở định hướng phát triển KT - XH, tiến hành rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các quy hoạch chuyên ngành khác để đánh giá đúng thực trạng, đưa ra giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của yêu cầu phát triển nhằm khai thác tốt quỹ đất, ưu tiên kêu gọi đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài. Khi đã có quy hoạch, cần tổ chức công khai cho mọi cá nhân, tổ chức biết để thực hiện. Bên cạnh đó cũng cần quan tâm một vấn đề rất quan trọng trong tổ chức quản lý, giám sát quá trình thực hiện đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch.

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng: cơ sở hạ tầng đảm bảo cho đầu tư phát triển là vấn đề rất quan trọng, nó giúp cho sự vận hành liên tục, thông suốt các cửa cái vật chất, luồng thông tin và dịch vụ. Sự phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẽ tạo điều kiện thuận lợi và giảm những chi phí phát sinh cho hoạt động đầu tư. Có thể nói, cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thời gian qua đã được quan tâm đầu tư cải thiện đáng kể, nhưng chưa đáp ứng được theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay, vẫn còn kém phát triển cần được tiếp tục đầu tư phát triển, hoàn thiện. Vì vậy, cần đánh giá đúng thực trạng cơ sở hạ tầng hiện nay, từ đó xác định cụ thể nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế. Đưa ra kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong sử dụng, đầu tư đến đâu là khai thác, sử dụng thu hút vốn đến đó. Từ thực tế trong công tác đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Lâm Đồng thời gian qua cho thấy, việc phát triển cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, hợp lý và hiện đại sẽ là điều kiện thu hút có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

Có thể thấy rằng, để thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KT - XH, điều quan trọng nhất hiện nay đối với tỉnh Lâm Đồng là phải nhanh chóng cải thiện tình hình giao thông với khu vực các tỉnh phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thu ngắn “khoảng cách thời gian” từ Lâm Đồng với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cần sớm đề nghị Chính phủ xem xét cho triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Dầu

Giây - Đà Lạt, có như thế mới có thể giúp giảm chi phí vận chuyển hàng hoá, tăng cường giao lưu kinh tế và hỗ trợ tích cực cho ngành du lịch và nền kinh tế Lâm Đồng phát triển.

3.2.2.2.2. Xây dựng chiến lược, cơ cấu FDI hợp lý, hiệu quả:

Để đảm bảo cho quá trình vận động kêu gọi thu hút nguồn vốn FDI hiệu quả, Lâm Đồng cần xây dựng cho mình một chiến lược đầu tư, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước, nước ngoài một cách có chọn lọc, có định hướng đầu tư, phân vùng, ngành nghề thật cụ thể nhằm đảm bảo tính hiệu quả, bền vững lâu dài cho sự phát triển của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, xây dựng một cơ cấu đầu tư nước ngoài phù hợp điều kiện thực tế và yêu cầu đặt ra của địa phương để chủ động vận động, kêu gọi thu hút đầu tư từ khu vực này. Cơ cấu đầu tư nước ngoài cần được xây dựng hợp lý trên các mặt như cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu hình thức đầu tư, cơ cấu địa bàn đầu tư, cơ cấu quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư, cụ thể:

- Cần đa dạng hoá các nguồn vốn và phương thức huy động để tránh sự phụ thuộc về kinh tế cũng như các rủi ro. Vì mỗi nguồn vốn đều có những ưu và nhược điểm riêng. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng các dự án FDI của Đài Loan, Singapore, Hồng Kông, Ma Cao chiếm tỷ trọng vốn đầu tư rất cao. Sắp tới, bên cạnh việc tiếp tục vận động kêu gọi đầu tư từ các quốc gia, vùng lãnh thổ này, cần đẩy mạnh thu hút vốn từ các nhà đầu tư của nhiều quốc gia khác như Nhật Bản, Úc, các nước khu vực Đông Nam Á, khu vực Bắc Mỹ và Tây Âu.

- Thực tế thu hút FDI thời gian qua tại Lâm Đồng cho thấy các dự án đầu tư đa số là quy mô nhỏ, của các nhà đầu tư nhỏ lẻ và cũng chỉ đầu tư các lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ là chủ yếu. Vì vậy, trong thời gian tới cần chú trọng nhiều hơn việc thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực về tài chính, công nghệ hiện đại từ các tập đoàn kinh tế lớn, công ty đa quốc gia đầu tư vào các dự án lớn thuộc lĩnh vực kinh tế có tính chất chủ lực của tỉnh, ưu tiên gọi vốn đầu tư vào các ngành như du lịch, công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản, thủy điện. Có như thế mới tạo ra tổ chất mới, tạo bước đột phá, cú hích, làm đòn bẩy cho kinh tế Lâm Đồng tăng tốc phát triển nhanh hơn. Để thực hiện được điều này, Lâm Đồng cần phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để kêu gọi thu hút đầu tư trên tinh thần chủ động,

như: xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư, xác định rõ nội dung đầu tư, sản phẩm, nguồn vốn đầu tư (trong nước, nước ngoài),.... và điều quan trọng nữa là phải chuẩn bị đầy đủ các yếu tố về đất đai (mặt bằng cho dự án), tiêu chí về xây dựng, điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi cho dự án hoạt động,.... để “chào hàng” cụ thể mời gọi thu hút đầu tư, khi có nhà đầu tư là có thể đồng ý tiếp nhận và cho triển khai thực hiện được ngay.

- Bên cạnh đó cũng cần quy hoạch và phân bố thu hút FDI giữa các địa phương trong tỉnh. Theo hướng là tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các địa phương như thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc, huyện Đức Trọng, Lạc Dương, Đơn Dương, Bảo Lâm,... để phát huy vai trò vùng động lực tạo điều kiện liên kết phát triển các địa phương còn lại trong tỉnh trên cơ sở phát huy thế mạnh của các địa phương này về đất đai, khí hậu, nguyên liệu, lao động và các nguồn lực khác. Đồng thời, cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở những vùng còn khó khăn chưa thu hút được nguồn vốn FDI, nhằm tạo cơ cấu hợp lý về địa bàn đầu tư và khai thác triệt để các lợi thế của từng khu vực.

Trong quá trình thu hút đầu tư thì việc quản lý, giám sát triển khai thực hiện, cần gắn kết chặt chẽ các dự án đầu tư riêng rẽ của từng ngành nghề trong một quy hoạch tổng thể, đảm bảo sự đồng bộ và tận dụng, khai thác tối đa những lợi thế sẵn có. Các dự án khi triển khai phải có kế hoạch cụ thể, phải được theo dõi thường xuyên để đôn đốc các chủ đầu tư triển khai theo đúng tiến độ đăng ký, cũng như có biện pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án của các nhà đầu tư nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động, phát huy hiệu quả, làm đòn bẩy để tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án khác.

3.2.2.2.3. Đổi mới công tác xúc tiến, tiếp thị đầu tư:

Vấn đề đổi mới và nâng cao khả năng xúc tiến, tiếp thị vận động thu hút đầu tư là một trong nhiều giải pháp để làm tăng khả năng thu hút đầu tư qua việc tạo sự yên tâm cho các đối tác đầu tư. Trước hết, là chăm lo và hỗ trợ tối đa, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư hiện đã đầu tư vào Lâm Đồng. Hỗ trợ, giúp đỡ họ giải quyết các khó khăn, vướng mắc, ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Làm cho họ cảm nhận được là chúng ta thực sự đem đến cho họ những

điều kiện tốt nhất, đáp ứng mọi điều kiện nhanh nhất và ưu đãi nhất. Có như vậy, thông qua các nhà đầu tư này, hình thành một kênh tiếp thị, xúc tiến đầu tư uy tín và hiệu quả. Đây chính là phương pháp ít tốn kém nhưng mang lại hiệu quả.

Trong thời gian qua, cùng với xu thế chung của cả nước, Lâm Đồng đã quan tâm chú trọng đến công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư. Nhiều hình thức xúc tiến đầu tư được áp dụng như tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư tại địa phương và tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội. Với việc tỉnh tổ chức Festival Hoa Đà Lạt theo định kỳ 2 năm một lần, cũng là dịp để mở rộng giao lưu kinh tế, tuyên truyền quảng bá tiềm năng, lợi thế của tỉnh để thu hút đầu tư. Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả công tác này trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến, tiếp thị, vận động thu hút đầu tư theo hướng:

- Để phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Cần phải đổi mới tư duy trong cách tiếp cận, thu hút, mời gọi đầu tư theo hướng chuyên từ tư duy hạn hẹp, địa phương, quốc gia sang tư duy toàn cầu; bộ máy hành chính nhà Nước ở địa phương phải chuyển từ tư duy mệnh lệnh hành chính sang tư duy hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp.

- Sớm kiện toàn và tổ chức lại mô hình, bộ máy hoạt động làm công tác xúc tiến, tiếp thị vận động thu hút đầu tư của tỉnh theo hướng giảm tầng nấc trung gian, tăng cường đội ngũ cán bộ đủ mạnh về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả hơn. Cụ thể là chuyển Trung tâm xúc tiến du lịch – thương mại – đầu tư Lâm Đồng hiện đang trực thuộc Sở Du lịch thương mại về trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và tăng cường đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cho trung tâm này.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư một cách khoa học, bài bản mang tính định hướng lâu dài, có trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ cụ thể về dự án, ngành nghề, địa bàn thu hút đầu tư và đối tượng nhà đầu tư, v.v...

- Tranh thủ các chương trình xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành trung ương để kết hợp tham gia đưa nội dung xúc tiến, tiếp thị, mời gọi đầu tư cho địa phương mình vào các chương trình này. Nhất là các cơ quan như Bộ Kế hoạch và đầu tư, Phòng Công nghiệp – Thương mại Việt Nam, v.v...

- Chủ động liên kết với các tỉnh, thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai để nhờ hỗ trợ mời gọi đầu tư từ các công ty, tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài đầu tư đã vào các địa phương này.

- Ban hành chính sách khen thưởng, tôn vinh đối với các tổ chức, cá nhân có công trong vận động thu hút đầu tư vào Lâm Đồng.

- Có kế hoạch để triển khai tiếp cận đầu tư thông qua các Đại sứ, Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài để thu hút, mời gọi đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường hơn nữa công tác xúc tiến, vận động thu hút FDI thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử trên mạng, các tổ chức tư vấn,... để thiết lập kênh tiếp thị, kêu gọi đầu tư.

Nói chung, công tác xúc tiến, tiếp thị, vận động thu hút đầu tư, nhất là thu hút FDI phải được thực hiện hết sức đa dạng, thường xuyên liên tục, bằng nhiều phương pháp và không chỉ là trách nhiệm của riêng cơ quan chuyên môn về lĩnh vực này mà cần được xã hội hóa để mọi tổ chức, cá nhân cùng tham gia.

3.2.2.2.4. Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính:

Vấn đề cải cách các thủ tục hành chính trong đầu tư là một nội dung quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư tại Lâm Đồng.

- Kinh nghiệm cho thấy, trong nội dung cải cách hành chính thì cải cách thủ tục hành chính là khâu quan trọng nhất. Cải cách thủ tục hành chính trước hết cần tập trung vào cụ thể hóa các quy định của Nhà nước về thu hút đầu tư sao cho đảm bảo được triển khai một cách đồng bộ, thống nhất đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp FDI. Hiện nay, Luật đầu tư chung đã có hiệu lực thi hành, nhưng Lâm Đồng vẫn chưa thực hiện một cách đồng bộ, các thủ tục đầu tư vẫn chưa được sửa đổi cho phù hợp với quy định mới của Nhà nước, vì vậy cần khẩn trương điều chỉnh, sửa đổi và cho áp dụng ngay các nội dung liên quan đến hồ sơ, thủ tục về đầu tư theo quy định của Luật đầu tư chung.

- Cần thực hiện nghiêm nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước các cấp từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là các nội dung liên quan đến thủ tục về đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở các cơ quan như thuế, địa chính, xây dựng,...; phổ biến rộng rãi và niêm yết công

khai quy chế, quy trình xử lý công việc để mọi cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp biết.

- Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm, cải tiến tác phong, lề lối làm việc của các cán bộ trong cơ quan liên quan đến hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, trên tinh thần tạo mọi thuận lợi cho nhà đầu tư và nhận khó khăn về cho cơ quan Nhà nước. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm tăng cường trật tự kỷ cương và kỷ luật hành chính của cán bộ, công chức Nhà nước; nâng cao đạo đức, trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp của cán bộ công chức Nhà nước mà trước tiên là người đứng đầu các cơ quan Nhà nước. Xử lý nghiêm minh các trường hợp cố tình nhũng nhiễu, gây khó khăn trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Đồng thời, tăng cường hơn sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp tránh chồng chéo, trùng lặp và giải quyết kịp thời các ý kiến thắc mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đại phương. Có như thế thì mới tạo được lòng tin cho các nhà đầu tư an tâm đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh lâu dài tại địa phương.

3.2.2.2.5. Chú trọng giải quyết các vấn đề môi trường:

Hướng đến sự phát triển bền vững, giải quyết tốt ô nhiễm môi trường là vấn đề tỉnh Lâm Đồng cần kiên quyết thực hiện trong quá trình thu hút đầu tư. Cần phải xem vấn đề chống ô nhiễm môi trường, xử lý các chất thải là điều kiện bắt buộc không thể thiếu của quá trình hình thành và phát triển từng doanh nghiệp. Nâng cao hơn nữa vai trò của cơ quan làm nhiệm vụ giám sát môi trường, thường xuyên theo dõi, giám sát phát hiện và xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm xảy ra trong lĩnh vực này. Song song đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhận thức đầy đủ hơn tác hại của ô nhiễm môi trường để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp gương mẫu chấp hành và thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường. Đồng thời, cần có biện pháp khen thưởng để động viên khuyến khích kịp thời các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

3.2.2.2.6. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực:

Có thể thấy rằng để đáp ứng kịp thời nhu cầu tuyển dụng lao động của các nhà đầu tư, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Lâm Đồng hiện nay thì vấn đề cấp bách cần được quan tâm là phải gắn chặt hơn nữa giữa đào tạo và sử dụng. Cần quy hoạch đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp trong ngành du lịch, thương mại - dịch vụ du lịch, may mặc,... đặc biệt trình độ ngoại ngữ đối với đội ngũ lao động trong các ngành liên quan đến tiếp xúc với người nước ngoài. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho các doanh nghiệp tự tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu về tiêu chuẩn, ngành nghề riêng của doanh nghiệp mình thông qua việc liên kết, “đặt hàng” với các cơ sở đào tạo tại địa phương. Đồng thời, cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các chuyên gia giỏi, kỹ thuật có tay nghề cao, có nhiều kinh nghiệm từ nước ngoài, các kiều bào Việt Nam về làm việc cho đất nước. Mở rộng đào tạo nghề cho học sinh phổ thông, chuẩn bị kiến thức nghề cho học sinh phù hợp với chương trình phát triển KT - XH ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Có kế hoạch liên kết giữa đào tạo trong nước và nước ngoài nhằm cung cấp cho các nhà doanh nghiệp những chuyên gia có trình độ tay nghề cao.

- Song song đó cũng cần có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, bổ sung kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy cơ quan quản lý Nhà nước nói chung và lĩnh vực liên quan đến FDI nói riêng. Tiếp tục chuẩn hoá cán bộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, đảm bảo kỹ năng và năng lực cần thiết cho thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2.2.2.7. Tiếp tục mở rộng thực hiện các chương trình liên kết về kinh tế với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

Mặc dù nằm ở khu vực Nam Tây Nguyên, nhưng Lâm Đồng lại tiếp giáp với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là khu vực kinh tế năng động nhất của cả nước hiện nay. Nhưng trong một thời gian dài vừa qua, Lâm Đồng chưa có sự quan tâm đúng mức đến mối quan hệ liên kết kinh tế vùng với khu vực này. Chưa tranh thủ được sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, công nghệ,... khả năng thu hút FDI của

khu vực này. Từ đó đã ảnh hưởng phần nào đến quá trình thu hút đầu tư, phát triển KT - XH của địa phương mình.

Vì vậy, cần tiếp tục mở rộng và thực hiện các chương trình liên kết, hợp tác kinh tế một cách chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong khu vực kinh tế trọng điểm này, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh. Để tranh thủ sự hỗ trợ trong thu hút đầu tư khai thác và phát huy lợi thế của từng địa phương, góp phần tạo thêm cho Lâm Đồng thế và lực trong quá trình thu hút FDI phục vụ mục tiêu phát triển KT - XH trong thời gian tới.

3.2.2.2.8. Xây dựng quy chế hoạt động riêng cho Khu du lịch hồ Tuyên Lâm và Khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng:

Du lịch được xác định là một trong những tiềm năng, thế mạnh đặc trưng của Lâm Đồng với khí hậu quanh năm mát mẻ, môi trường trong sạch, phong cảnh thiên nhiên thơ mộng tạo ra nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Trong đó có 2 khu du lịch quốc gia là: Khu du lịch hồ Tuyên Lâm và Khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng (hiện Khu du lịch hồ Tuyên Lâm đã thành lập Ban quản lý khu du lịch và kêu gọi hơn 25 dự án đầu tư; Khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng đang chờ đàm phán với phía đối tác Nhật Bản). Thời gian qua, mặc dù tỉnh Lâm Đồng rất quan tâm đến thu hút đầu tư nhưng đến nay việc đầu tư khai thác tiềm năng du lịch tại nơi đây vẫn chưa được thực hiện. Hiện Nhà nước vẫn chưa có một cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư, sớm đưa vào khai thác có hiệu quả 02 khu du lịch này. Việc đầu tư khai thác tiềm năng du lịch tại đây sẽ góp phần rất quan trọng đối với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển KT – XH của tỉnh Lâm Đồng, cũng như góp phần cho ngành du lịch cả nước phát triển. Vì vậy cần có các chính sách, cơ chế, giải pháp thích hợp để tăng cường thu hút đầu tư nhất là nguồn vốn FDI vào 02 khu du lịch này. Tuy nhiên, trong quá trình kêu gọi thu hút đầu tư đã vướng mắc rất nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút, khuyến khích đầu tư các khu du lịch này và nhất là đối với chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, gọi vốn đầu tư khai thác các công trình hạ tầng trong khu du lịch. Đề nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cần sớm kiến nghị, đề xuất với Chính phủ cho Lâm Đồng được xây dựng cơ chế, chính sách với các ưu đãi phù hợp đối với hoạt động của Khu du lịch hồ

Tuyên Lâm và Khu du lịch Đan Kia – Suối Vàng về huy động các nhà đầu tư xây dựng khai thác công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, cho thuê đất, cơ chế huy động vốn, các ưu đãi đầu tư,... nhằm đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư nhất là FDI xây dựng, khai thác các khu du lịch này.

Kết luận chương 3: Trên đây là những giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới. Có thể thấy rằng, trong công cuộc đổi mới đất nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng thì nhu cầu về vốn đầu tư cho phát triển là rất lớn, trong đó nguồn vốn FDI có vai trò, vị trí rất quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế phục vụ cho sự nghiệp CNH – HĐH trong giai đoạn hiện nay. Việc thu hút FDI vào tỉnh Lâm Đồng phải được đặt trong bối cảnh chung của nước ta trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và tiến trình mở cửa thị trường theo cam kết gia nhập WTO. Vì thế, các giải pháp cần phải được thực hiện một cách nhất quán, đồng bộ. Bên cạnh sự nỗ lực tự đổi mới vươn lên của địa phương Lâm Đồng thì cần phải có sự hỗ trợ tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng,... của Nhà nước (của Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương) và sự liên kết, hỗ trợ giúp đỡ của các địa phương bạn xung quanh thì mới có thể cải thiện được tình hình và đẩy nhanh hơn nữa thu hút nguồn vốn FDI phục vụ cho sự tăng trưởng và phát triển KT – XH của tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thu hút FDI, bên cạnh những lợi ích mà nguồn vốn này mang lại thì phải xem xét, kiểm soát để hạn chế các tồn tại, khuyết điểm mà nó mang lại, có như thế mới tạo ra sự phát triển nhanh, ổn định và bền vững. Với các giải pháp nêu trên, hy vọng tỉnh Lâm Đồng sẽ thành công trong thu hút FDI góp phần vào thực hiện sự nghiệp CNH – HĐH nền kinh tế địa phương, sớm đưa Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng nghèo, chậm phát triển.

KẾT LUẬN

Sau hơn 20 năm Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới đất nước, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài đã thực sự phát huy, có tác động tích cực đến tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với một quốc gia đi lên từ nền sản xuất nông nghiệp như Việt Nam có vai trò rất quan trọng. Đầu tư nước ngoài đã cung cấp cho nước ta nguồn vốn, giúp cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện các mục tiêu phát triển KT - XH. Có thể thấy rằng đầu tư nước ngoài đã mang vào Việt Nam các kỹ thuật, KH - CN hiện đại, mô hình tổ chức sản xuất tiên tiến, từ đó giúp khai thác tốt nguồn tài nguyên của đất nước, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Các dự án đầu tư nước ngoài đã mang lại diện mạo, sức bật mới cho sự phát triển KT - XH của đất nước trong quá trình thực hiện công cuộc CNH – HĐH.

Tất cả các nội dung được hệ thống và phân tích trong luận văn này cho thấy, công tác thu hút đầu tư nước ngoài là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng không chỉ riêng đối với tỉnh Lâm Đồng mà đây là vấn đề của tất cả mọi cá nhân, tổ chức, mọi cấp, mọi ngành từ trung ương đến cơ sở trong cả nước.

Lâm Đồng là tỉnh ở khu vực Tây Nguyên, nhưng lại nằm giáp với khu vực Đông Nam bộ - vùng kinh tế năng động nhất hiện nay. Nhờ nhận thức tốt và quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư nên Lâm Đồng cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định trong phát triển KT - XH trong thời gian vừa qua. Để tiếp tục phát huy những kết quả, thành tựu đã đạt được vừa qua, Lâm Đồng cần chọn cho mình một hướng đi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và xu thế chung của đất nước, nhất là trong điều kiện nước ta vừa gia nhập WTO. Nhằm góp phần tạo ra những chuyển biến về nhận thức và hành động, từ đó nâng cao khả năng hoạt động của Lâm Đồng trong lĩnh vực thu hút FDI, luận văn đã tập trung làm rõ một số vấn đề sau:

- Thứ nhất, hệ thống hóa lý luận về FDI. Khảo sát kinh nghiệm thu hút FDI của các nước, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, tỉnh Lâm Đồng.

- Thứ hai, phân tích thực trạng thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Qua đó đánh giá tác động của FDI đến quá trình phát triển KT - XH của tỉnh Lâm Đồng. Rút ra những tồn tại, hạn chế và xác định nguyên nhân.

- Thứ ba, đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI tại tỉnh Lâm Đồng.

Những kết quả đạt được và các tồn tại trong công tác thu hút FDI không chỉ là vấn đề riêng của Lâm Đồng, mà còn là mối quan tâm của cả nước. Thông qua phân tích, nghiên cứu, đưa ra hệ thống các giải pháp, kiến nghị nhằm đẩy mạnh hơn nữa khả năng thu hút FDI góp phần đẩy nhanh phát triển KT - XH tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007 – 2015. Hy vọng luận văn này sẽ góp phần thiết thực nâng cao khả năng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI của tỉnh Lâm Đồng trong công cuộc CNH – HĐH, sớm đưa Lâm Đồng ra khỏi tình trạng nghèo, chậm phát triển.

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy Cô Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, cảm ơn tiến sĩ Thân Thị Thu Thủy đã truyền đạt kiến thức quý báu và tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả hoàn thành bài luận văn này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Trần Ngọc Thơ – TS Nguyễn Ngọc Định, Tài chính quốc tế, Nhà xuất bản thống kê – năm 2005.
2. TS Nguyễn Xuân Thủy, Chính sách phát triển kinh tế, kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc – Tập I, Nhà xuất bản Giao thông vận tải – năm 2003.
3. Bộ Kế hoạch và đầu tư – Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Báo cáo nghiên cứu về Luật đầu tư nước ngoài ở một số nước.
4. Chính phủ, Nghị định số 22/1998/ND-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị Định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư.
5. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Niên giám thống kê Lâm Đồng năm 2006.
6. Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo đánh giá về tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2006.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X.
8. Luật đầu tư (năm 2005); Luật du lịch (năm 2005).
9. Sở Du lịch–Thương mại, Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu giai đoạn 2000 – 2005, năm 2006.
10. Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đến hết quý I năm 2007.
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Báo cáo tình hình KT - XH năm 2006 và kế hoạch phát triển KT - XH năm 2007.
12. Các Website:
 - www.mpi.gov.vn Bộ Kế hoạch và đầu tư.
 - www.mof.gov.vn Bộ Tài chính.
 - www.vir.com.vn Báo Đầu tư.
 - www.gse.gov.vn Tổng cục Thống kê.
 - www.ueh.edu.vn Tạp chí Phát triển kinh tế (Trường ĐH KT TP HCM).